

## LỜI MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Bất kỳ một doanh nghiệp nào muốn hoạt động kinh doanh hiệu quả đều phải nắm bắt được thông tin về chi phí đầu vào và kết quả đầu ra một cách kịp thời và chính xác để có thể đưa ra một quyết định đúng đắn của doanh nghiệp mình. Các doanh nghiệp luôn mong muốn tối ưu hóa hiệu quả các nguồn lực, vận dụng tối đa các chính sách, biện pháp kinh tế để thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của mình nhằm giảm thiểu chi phí và hướng đến mục đích kết quả đầu ra càng cao càng tốt hay để đạt mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận. Điều này phụ thuộc rất nhiều vào công tác tổ chức kiểm soát các khoản chi phí, doanh thu và tính toán kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp. Vì thế để tiến hành hoạt động kinh doanh có hiệu quả, bất kỳ một doanh nghiệp nào cũng phải quan tâm tới các yếu tố chi phí doanh thu kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp mình.

Thông tin kế toán đưa ra không chỉ quan trọng đối với người quản lý điều hành doanh nghiệp mà còn quan trọng đối với nhà nước, với những người đầu tư tìm kiếm cơ hội làm ăn. Quá trình thực tập tại Công ty cổ phần vận tải biển VINASHIP đã cho em hiểu thêm về thực tiễn công tác kế toán đặc biệt là kế toán các doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động vận tải biển của công ty. Chính vì thế dưới sự giúp đỡ của cô giáo hướng dẫn Lương Khánh Chi và các cán bộ kế toán của công ty em đã lựa chọn đề tài **“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí, và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần vận tải biển VINASHIP”**.

### 2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

- Về mặt lý luận: hệ thống những vấn đề lý luận cơ bản về hạch toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Về mặt thực tế; Mô tả và phân tích thực trạng hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần vận tải biển VINASHIP.

- Đề xuất một số ý kiến nhằm hoàn thiện hạch toán doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần vận tải biển VINASHIP.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài.**

- Đối tượng nghiên cứu : Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần vận tải biển VINASHIP.
- Phạm vi nghiên cứu
  - Về không gian :Đề tài được thực hiện tại công ty
  - Về thời gian : Đề tài được thực hiện từ 12/04/2010 đến 10/07/2010
  - Việc phân tích được lấy số liệu năm 2009

### **4. Phương pháp nghiên cứu**

- Phương pháp chung :phương pháp so sánh, phương pháp phân tích kinh doanh(phương pháp chi tiết, phương pháp so sánh), phương pháp điều tra
- Phương pháp luận biện chứng được sử dụng trong khóa luận này chủ yếu là biện chứng trong mối quan hệ giữa thực tế và lý thuyết chung về hạch toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh

### **5. Kết cấu của khóa luận**

Nội dung chủ yếu của đề tài này được chia làm 3 chương chính như sau:

**Chương 1: lý luận chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần vận tải biển VINASHIP.**

**Chương 2 : Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần vận tải biển VINASHIP.**

**Chương 3 : Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần vận tải biển VINASHIP.**

## **CHƯƠNG 1 : LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP**

### **1.1:Tổng quan về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

#### 1.1.1: Một số vấn đề cơ bản về doanh thu trong doanh nghiệp

##### 1.1.1.1: Khái niệm

\* Doanh thu : tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Doanh thu chỉ bao gồm tổng giá trị của các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được hoặc sẽ thu được . Các khoản thu hộ bên thứ ba không phải là nguồn lợi ích kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp sẽ không được coi là doanh thu (Chẳng hạn khi người nhận đại lý thu hộ tiền bán hàng cho đơn vị chủ hàng thì doanh thu của người nhận đại lý chỉ là tiền hoa hồng được hưởng). Các khoản góp vốn của cổ đông hoặc chủ sở hữu làm tăng vốn chủ sở hữu nhưng không phải là doanh thu.

\_Doanh thu tiêu thụ : là toàn bộ số tiền thu được từ việc tiêu thụ hàng hoá bao gồm cả phụ phí và phí thu thêm ngoài giá bán. Trong đó doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là bộ phận chủ yếu chiếm tỷ trọng lớn trong toàn bộ doanh thu của doanh nghiệp. Khoản thu này phát sinh từ các giao dịch thuộc hoạt động tiêu thụ và hoạt động cung cấp dịch vụ. Do đó doanh thu thuần về tiêu thụ được xác định bằng các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại , chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán , hàng bán bị trả lại ngoài ra còn có thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp tính trên doanh thu tiêu thụ, thuế xuất khẩu.

1.1.1.2: Các loại doanh thu

\*Doanh thu bán hàng: Phản ánh doanh thu và danh thu thuần của khối lượng hàng hoá được xác định là đã bán trong mỗi kỳ kế toán của doanh nghiệp.

❖ Chỉ ghi nhận doanh thu bán sản phẩm hàng hoá khi thoả mãn đồng thời 5 điều kiện sau

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Với mỗi phương thức bán hàng thì thời điểm ghi nhận doanh thu được quy khác nhau

\*Doanh thu tiêu thụ nội bộ : Phản ánh doanh thu của số sản phẩm hàng hoá, dịch vụ trong nội bộ doanh nghiệp

Doanh thu tiêu thụ nội bộ : là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hoá sản phẩm , cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty , tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

\*Doanh thu hoạt động tài chính : Doanh thu phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp và thường bao gồm : Doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ , tiền lãi , tiền bản quyền , cổ tức , và lợi nhuận được chia...

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm : tiền lãi , tiền bản quyền , cổ tức lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

- Nội dung doanh thu hoạt động tài chính

\_Tiền lãi : Lãi cho vay , lãi tiền gửi , lãi bán hàng trả chậm , trả góp, lãi đầu tư trái phiếu ,tín phiếu, triết khấu được hưởng do thanh toán mua hàng hóa, dịch vụ, lãi cho thuê tài chính...

\_Thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản (bằng sáng chế, nhãn hiệu thương mại, bản quyền tác giả , phần mềm vi tính...)

\_Cổ tức , lợi nhuận được chia

\_Thu nhập về hoạt động đầu tư mua bán chứng khoán ngắn hạn , dài hạn

\_Thu nhập chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng.

\_Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.

\_Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ , khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ.

\_Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn...

\*Thu nhập khác: là những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có số dư tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện , hoặc là những khoản thu không mang tính thường xuyên.

- Nội dung của thu nhập khác

Nội dung thu nhập khác được quy định tại đoạn 30 của chuẩn mực doanh thu và thu nhập khác . Thu nhập khác của doanh nghiệp gồm :

-Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý Tài sản cố định.

-Thu tiền do khách hàng vi phạm hợp đồng

-Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ.

-Các khoản thuế được ngân sách nhà nước hoàn lại.

-Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ.

-Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có).

-Thu nhập quà biếu , quà tặng bằng tiền , hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp.

-Các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót hay quên ghi sổ kế toán, năm nay mới phát hiện ra...

1.1.2: Một số vấn đề cơ bản về chi phí trong doanh nghiệp.

\* Chi phí là phí tổn tài nguyên , vật lực gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ. Chi phí hoạt động được tính vào kết quả kinh doanh , được tài trợ bằng nguồn vốn kinh doanh và được bù đắp bằng thu nhập tạo ra trong kỳ.

\* Chi phí sản phẩm bao gồm chi phí nhân công trực tiếp , chi phí nguyên vật liệu trực tiếp , chi phí sản xuất chung là những chi phí tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất tạo ra sản phẩm là cơ sở để tính giá thành sản phẩm .Khi sản phẩm được xuất bán thì nó biểu hiện thông qua giá vốn hàng hoá, sản phẩm

\* Giá vốn hàng bán: là trị giá vốn của sản phẩm, vật tư , hàng hoá dịch vụ tiêu thụ lao vụ. Đối với sản phẩm lao vụ , dịch vụ tiêu thụ là giá thành sản xuất (Giá thành công xưởng) hay chi phí sản xuất. Với vật tư tiêu thụ giá vốn là giá trị ghi sổ, còn với hàng hoá tiêu thụ , giá vốn bình quân giá mua hàng hoá tiêu thụ với chi phí thu mua.

\*Chi phí bán hàng : là toàn bộ các chi phí có liên quan đến việc tiêu thụ sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp bao gồm

-Chi phí bảo quản, đóng gói , vận chuyển

-Chi phí chào hàng , giới thiệu quảng cáo

-Chi phí hoa hồng đại lý

-Chi phí bảo hành sản phẩm

\*Chi phí quản lý doanh nghiệp : là các khoản chi phí liên quan chung tới toàn bộ hoạt động quản lý điều hành chung của doanh nghiệp bao gồm : chi phí hành chính, chi phí tổ chức , chi phí văn phòng...

\*Chi phí tài chính là chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, như chi phí lãi tiền vay, và những chi phí liên quan đến hoạt động cho các bên sử dụng tài sản sinh ra lợi tức, tiền bản quyền ... Những chi phí này phát sinh dưới dạng tiền và các khoản tương đương tiền.

\*Chi phí khác : là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bỏ sót từ những năm trước

- Nội dung chi phí khác

Chi phí khác phát sinh gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán tài sản cố định (nếu có).
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế.
- Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm, hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán.
- Các khoản chi phí khác.

### 1.1.3: Kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm : Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh : Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và giá vốn hàng bán (Gồm cả sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như : chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Kết quả hoạt động tài chính : Là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí tài chính

- Kết quả hoạt động khác : Là khoản chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Xác định kết quả sản xuất kinh doanh là khâu cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm xác định lỗ hay lãi hay nói cách khác là xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp từ đó cung cấp thông tin ra bên ngoài và cho ban lãnh đạo nhằm có những bước đi hiệu quả trong thời gian tiếp theo. Thông qua việc xác định kết quả kinh doanh, doanh nghiệp có thể biết được hiệu quả kinh doanh của mình, khả năng cạnh tranh từng loại mặt hàng để có hoạch định các phương án kinh doanh có hiệu quả.

1.1.4: Nhiệm vụ tổ chức kế toán doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Phản ánh ,tính toán, ghi chép đầy đủ, kịp thời chính xác chi phí phát sinh trong kỳ cho đối tượng chịu chi phí của hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Phản ánh và ghi chép đầy đủ ,chính xác, kịp thời các khoản doanh thu. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong kỳ kế toán
- Phản ánh tính toán và kết chuyển chính xác kết quả của từng hoạt động kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp nhằm xác định và phân phối kết quả kinh doanh đúng đắn hợp lý
- Cung cấp thông tin kế toán phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định và phân phối kết quả kinh doanh của toàn doanh nghiệp

## **1.2: Nội dung công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

*1.2.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

1.2.1.1: Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn bán hàng thông thường (Mẫu số 02/GTKT – 3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.



## ***Khoá luận tốt nghiệp***

---

- Hóa đơn giá trị gia tăng (Mẫu 01 GTGT – 3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp khấu trừ
- Bản thanh toán hàng đại lý, ký gửi
- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo có...)
- Tờ khai thuế GTGT
- Các chứng từ khác có liên quan như : Hoá đơn vận chuyển, bóc dỡ, Phiếu xuất kho bán hàng, phiếu nhập kho hàng trả lại...

### 1.2.1.2: Tài khoản sử dụng

*\* Tài khoản 511 “ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ”*

*\* Kết cấu và nội dung tài khoản 511:*

#### **Bên Nợ**

Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất nhập khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán

- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp
- Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ
- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ
- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

#### **Bên Có**

- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ

## *Khoá luận tốt nghiệp*

---

Tài khoản 511 có 5 tài khoản cấp 2

TK 5111 : Doanh thu bán hàng hoá

TK 5112 :Doanh thu bán thành phẩm

TK 5113:Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 5114 : Doanh thu trợ cấp, trợ giá

TK 5117 : Doanh thu kinh doanh bất động sản

*\* Tài khoản 512 “ Doanh thu nội bộ”*

*\* Nội dung kết cấu tài khoản 512*

### **Bên Nợ**

- Trị giá hàng bán bị trả lại , khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm , hàng hoá, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán.
- Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số sản phẩm , hàng hoá , dịch vụ đã bán nội bộ
- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm hàng hoá,dịch vụ,tiêu thụ nội bộ
- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

### **Bên Có**

- Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán

Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản 512 có 3 tài khoản cấp 2

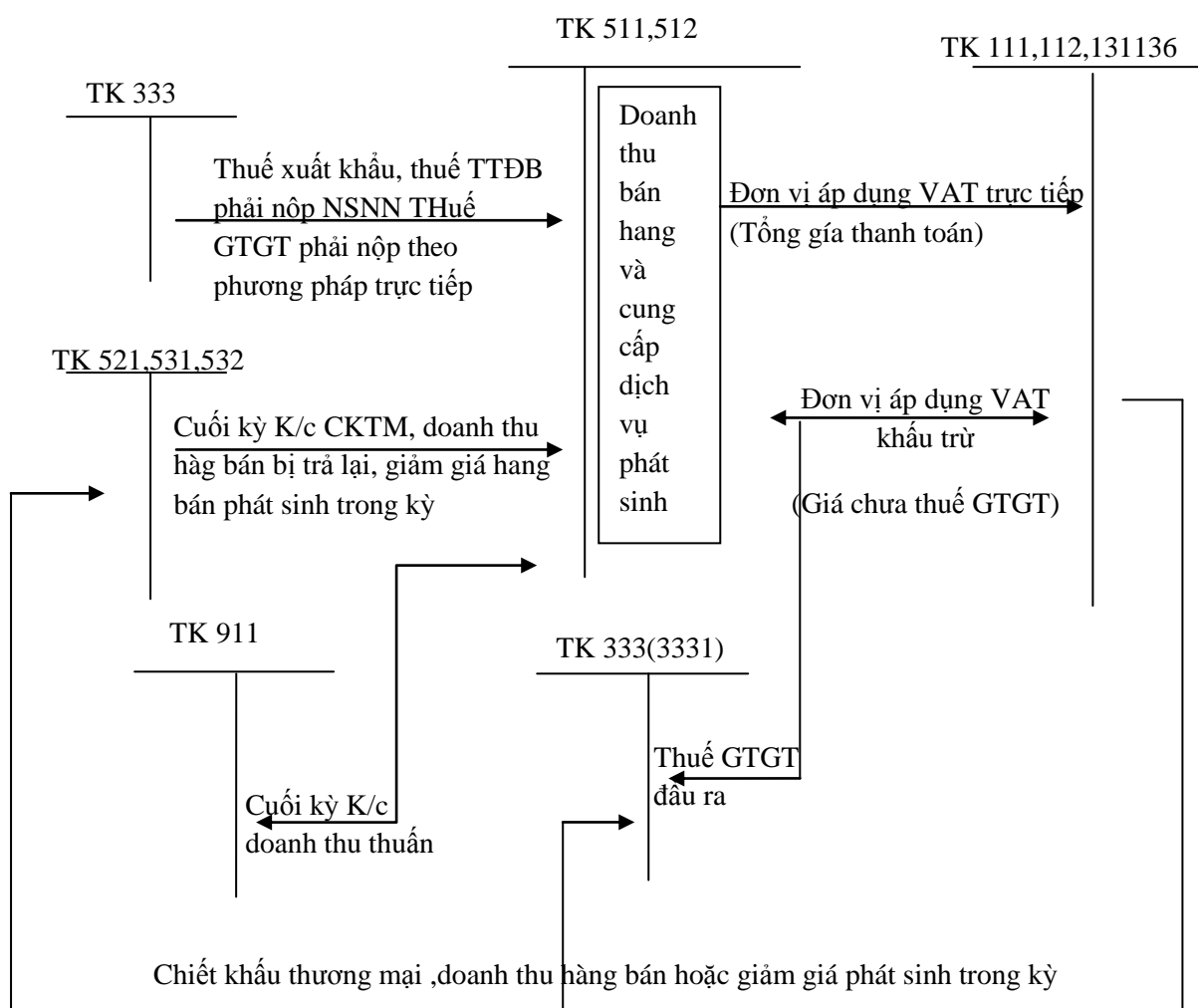
TK 5121 : Doanh thu bán hàng hoá

TK 5122 : Doanh thu bán các thành phẩm

TK 5123 : Doanh thu cung cấp dịch vụ

*\*Phương pháp kế toán*

**Sổ đồ 1.1: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**



**1.2.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

**1.2.2.1: Kế toán chiết khấu thương mại**

❖ **Khái niệm**

Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng hàng lũy kế mà khách hàng đã mua trong một quãng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại bên bán.

❖ Tài khoản sử dụng

\* *Tài khoản 521 - Chiết khấu thương mại*

\* *Kết cấu và nội dung tài khoản 521*

**Bên Nợ**

- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

**Bên Có**

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang tài khoản 511 ‘Doanh thu bán hàng’ để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản 521 có 3 tài khoản cấp 2

TK 5211 : Chiết khấu hàng hoá

TK 5212 : CHIết khấu thành phẩm

TK 5213 : CHIết khấu dịch vụ

\* *Phương pháp kế toán : được thể hiện khái quát qua Sơ đồ 1.2*

1.2.2.2: Kế toán hàng bán trả lại

❖ Khái niệm

Giá trị hàng bán bị trả lại là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như : vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế , hàng bị mất, kém phẩm chất , không đúng chủng loại , quy cách . Khi doanh nghiệp ghi nhận trị giá hàng bán bị trả lại cần đồng thời ghi giảm giá vốn hàng bán trong kỳ.

❖ Tài khoản sử dụng

\**Tài khoản sử dụng 531 – Hàng bán bị trả lại*

\**Kết cấu và nội dung tài khoản 531*

**Bên Nợ**

- Doanh thu của hàng bán bị trả lại , đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm hàng hoá đã bán

**Bên Có**

- Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên nợ tài khoản 511 hoặc 512 để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo

Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ

*\* Phương pháp kế toán: được thể hiện khái quát qua Sơ đồ 1.2*

1.2.2.3: Kế toán giảm giá hàng bán

❖ **Khái niệm**

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do toàn bộ hay một phần hàng hóa kém phẩm chất , sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu. Như vậy giảm giá hàng bán và chiết khấu thương mại có cùng bản chất như nhau : đều là giảm giá cho người mua, song lại phát sinh trong hai tình huống khác nhau hoàn toàn.

❖ **Tài khoản sử dụng**

*\* Tài khoản sử dụng 532 - Giảm giá hàng bán*

*\* Kết cấu nội dung tài khoản 532*

**Bên Nợ**

- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng

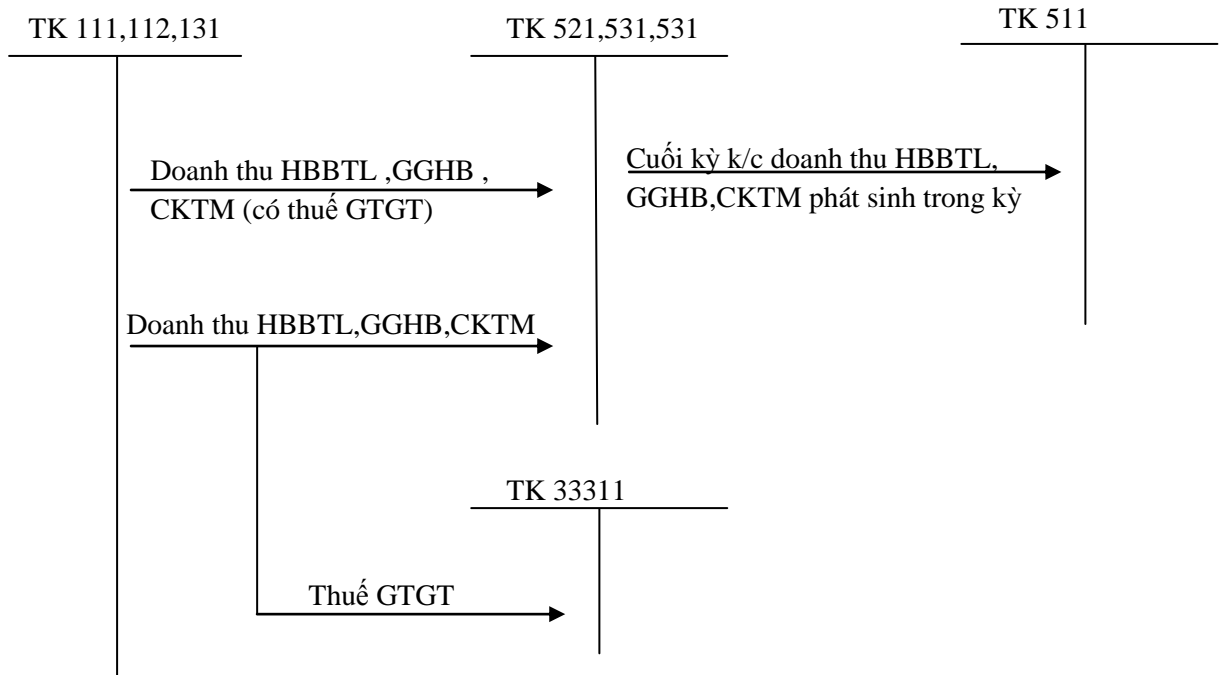
**Bên Có**

- Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang tài khoản 511 hoặc 512

Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ

*\* Phương pháp kế toán*

**Sơ đồ 1.2: Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**



**1.2.2.5: Các khoản thuế làm giảm trừ doanh thu.**

Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp khấu trực tiếp là các khoản thuế được xác định trực tiếp trên doanh thu bán hàng theo quy định hiện hành của các luật thuế tùy thuộc vào từng mặt hàng khác nhau. Thuế tiêu thụ đặc biệt (trường hợp được coi là một trong những khoản giảm trừ doanh thu) phát sinh khi doanh nghiệp cung cấp các loại sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất (hoặc các loại dịch vụ) thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt cho khách hàng. Khi đó doanh thu bán hàng được ghi nhận trong kỳ theo giá bán trả lại ngay đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (chưa bao gồm thuế GTGT). Doanh nghiệp phải xác định phần thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp vào ngân sách nhà nước căn cứ vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ.

**1.2.3: Kế toán giá vốn hàng bán**

**1.2.3.1: Phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho**

- Phương pháp bình quân gia quyền : giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị

từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi lần nhập một lô hàng về , phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

Giá thực tế xuất kho = Số lượng xuất x Đơn giá thực tế bình quân

$$\text{Đơn giá thực tế bình quân} = \frac{\text{Giá trị hàng tồn đầu kỳ} + \text{Giá trị hàng thực tế nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

- Phương pháp nhập sau- xuất trước (LIFO) : áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước , và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó . Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng , giá trị của lô hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn lại.

- Phương pháp nhập trước-xuất trước (FIFO) : áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua trước sản xuất hoặc sản xuất trước thì được xuất trước và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá trị của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ , giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ.

- Phương pháp tính theo giá thực tế đích danh : là xác định giá xuất kho từng loại nguyên , vật liệu theo giá thực tế của từng lần nhập , từng nguồn nhập cụ thể. Phương pháp này thường được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng, các mặt hàng có giá trị lớn hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

### 1.2.3.2: Chứng từ và tài khoản sử dụng

❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho(Mẫu số 02- VT)

---

- Các chứng từ hoá đơn khác có liên quan

Tài khoản sử dụng

- *Kế toán sử dụng tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán*
- Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 632 có sự khác nhau giữa 2 phương pháp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp kiểm kê định kỳ.

*Theo phương pháp kê khai thường xuyên*

**Bên Nợ**

- Phản ánh giá vốn của sản phẩm , hàng hoá dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ.
- Phản ánh chi phí nguyên vật liệu , chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào trị giá hàng tồn kho mà phải tính vào giá vốn hàng bán của kỳ kế toán.
- Phản ánh khoản hao hụt mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ đi phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.
- Phản ánh chi phí tự xây dựng , tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ tự xây dựng , tự chế hoàn thành.
- Phản ánh khoản chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn khoản đã lập dự phòng năm trước.

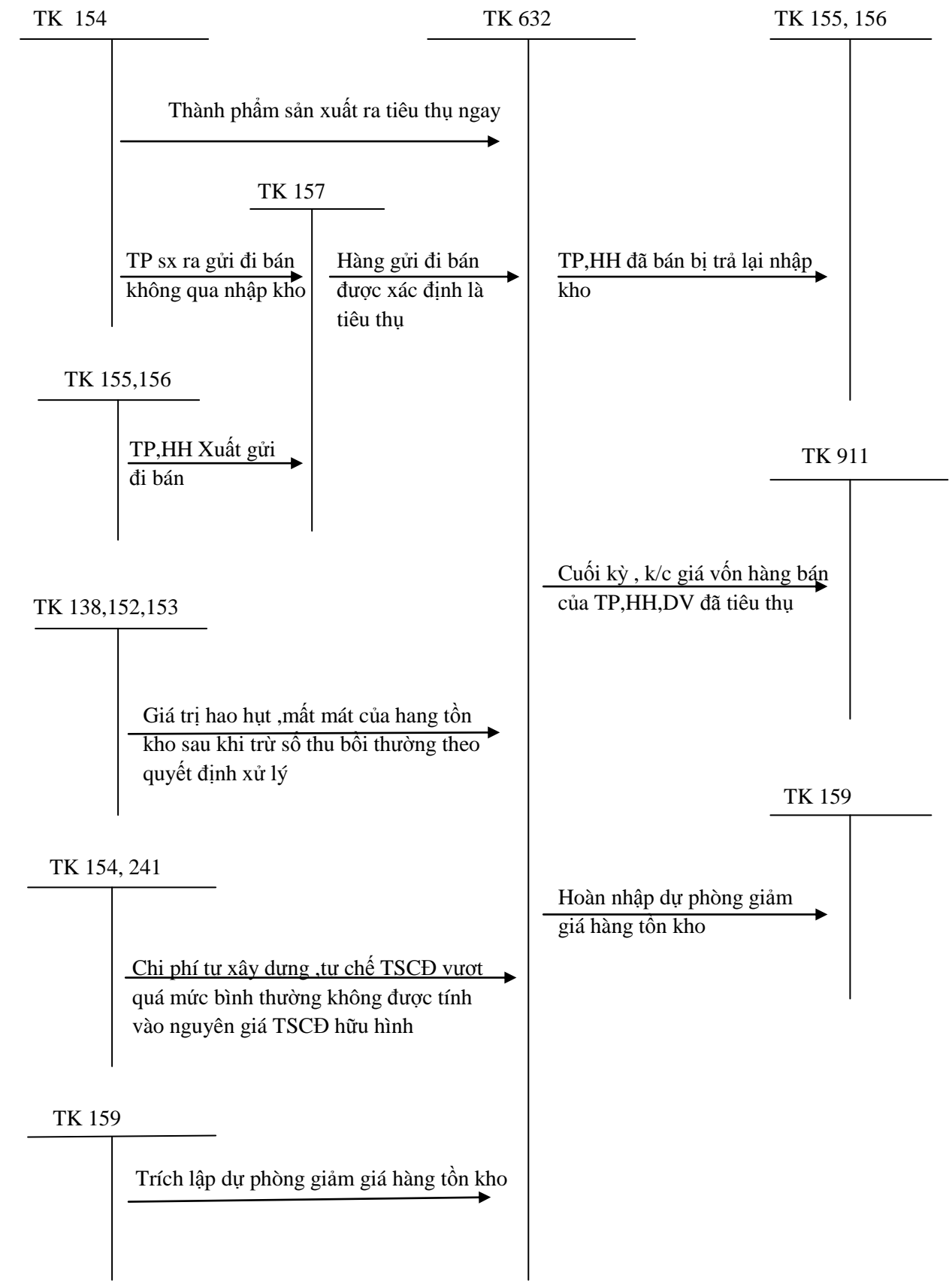
**Bên Có**

- Phản ánh khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.
- Giá vốn của hàng bán bị trả lại.
- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm , hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ sang TK 911- xác định kết quả kinh doanh.
- Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ



*\*Phương pháp hạch toán*

**Sơ đồ 1.3: Kế toán giá vốn hàng bán (Phương pháp kê khai thường xuyên)**



*Theo phương pháp kiểm kê định kỳ*

**Bên Nợ**

- Trị giá vốn thành phẩm tồn đầu kỳ
- Trị giá vốn hàng gửi bán chưa xác định tiêu thụ đầu kỳ.
- Tổng giá thành thực tế sản phẩm , lao vụ dịch vụ đã hoàn thành

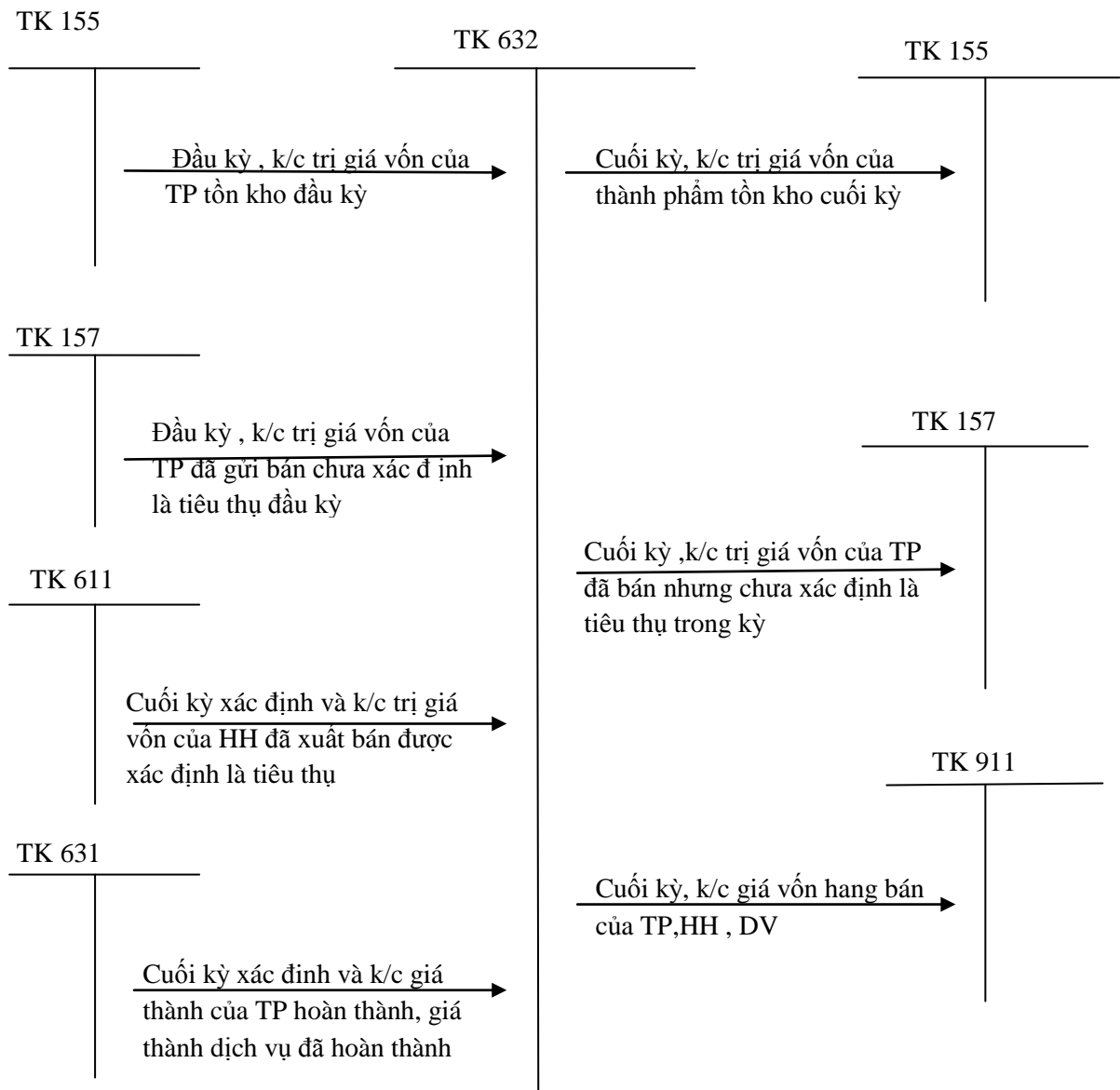
**Bên Có**

- Kết chuyển giá vốn thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào bên Nợ TK 155
- Kết chuyển trị giá hàng gửi bán chưa xác định tiêu thụ cuối kỳ vào bên Nợ TK 157.
- Kết chuyển giá vốn hàng hoá, thành phẩm , dịch vụ đã xuất bán sang TK 911  
– xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ

*\*Phương pháp hạch toán*

**Sơ đồ 1.4: Kế toán giá vốn hàng bán (Phương pháp kiểm kê định kỳ)**



**1.2.4: Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp**

**1.2.4.1: Kế toán chi phí bán hàng.**

❖ **Chứng từ kế toán sử dụng**

- Bảng phân bổ lương và BHXH(mẫu số 1.1-LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 – TSCĐ)
- Bảng phân bổ NVL – Công cụ dụng cụ(Mẫu số 07 –VT)
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Phiếu thu, phiếu chi
- Bảng kê thanh toán tạm ứng
- Các chứng từ khác có liên quan...

❖ **Tài khoản sử dụng**

*\*Tài khoản 641 “Chi phí bán hàng” dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình sản phẩm , hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp*

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ và có 7 tài khoản cấp 2 như sau

- TK 6411 : Chi phí nhân viên
- TK6412 : Chi phí vật liệu , bao bì
- TK6413 : Chi phí dụng cụ đồ dùng
- TK6414 : Chi phí khấu hao tài sản cố định
- TK6415 : Chi phí bảo hành
- TK6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK6418 : Chi phí khác bằng tiền

*\*Kết cấu và nội dung tài khoản 641*

**Bên Nợ**

- Tập hợp các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm

**Bên Có**

- Các khoản giảm trừ chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ hạch toán
- Kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản 911 để tính kết quả kinh doanh trong kỳ hoặc kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản 142 “Chi phí trả trước”

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ

*\* Phương pháp hạch toán: được khái quát qua sơ đồ 1.5*

1.2.4.2: Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

❖ Chứng từ kế toán sử dụng

- Căn cứ vào các bảng phân bổ (Bảng phân bổ tiền lương, bảng phân bổ vật liệu và công cụ dụng cụ, bảng phân bổ khấu hao TSCĐ)

-Hóa đơn GTGT , Hóa đơn thông thường

-Phiếu thu , phiếu chi

-Giấy báo nợ, giấy báo có

-Bảng kê thanh toán tạm ứng

-Các chứng từ khác có liên quan...

❖ Tài khoản sử dụng.

*Tài khoản 642 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”*

Tài khoản 642 có 8 tài khoản cấp 2

TK 6421 : Chi phí nhân viên quản lý

TK 6422 : Chi phí vật liệu quản lý

TK 6423 : Chi phí đồ dùng văn phòng

TK 6424 : Chi phí khấu hao TSCĐ

TK 6425 : Thuế, phí và lệ phí

TK 6426 : Chi phí dự phòng

TK 6427 : Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6428 : Chi phí bằng tiền khác

\*Nội dung và kết cấu tài khoản 642

**Bên Nợ**

- Tập hợp các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ

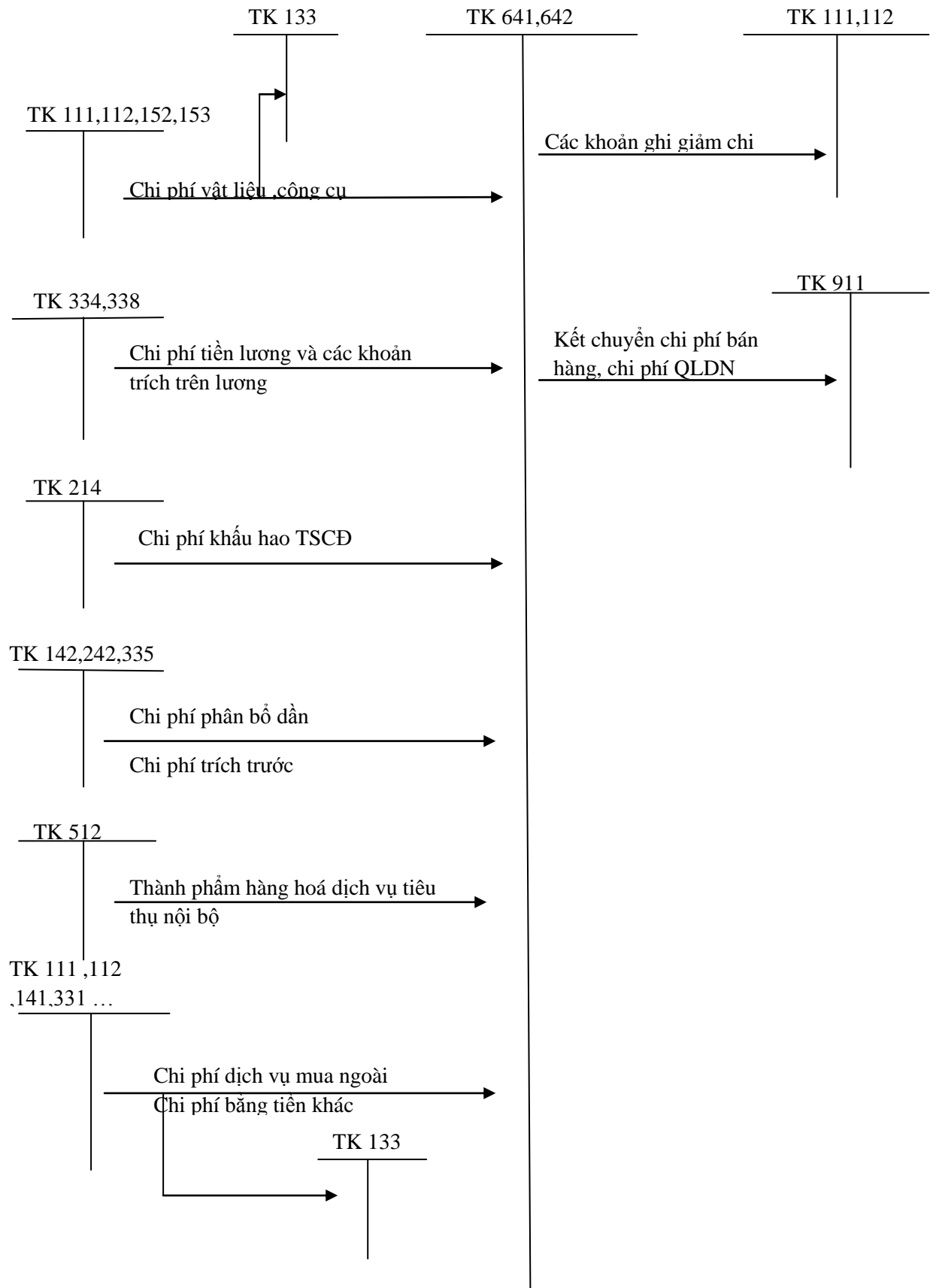
**Bên Có**

- Các khoản giảm trừ chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ hạch toán.
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản 911 “xác định kết quả kinh doanh “ để tính kết quả kinh doanh trong kỳ
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản 142 “ chi phí trả trước” để chờ phân bổ

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ

*\*Phương pháp hạch toán*

**Sơ đồ 1.5: Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**



### 1.2.5: Kế toán hoạt động tài chính

#### 1.2.5.1: Kế toán doanh thu tài chính

❖ Tài khoản sử dụng

Tài khoản 515 – “Doanh thu hoạt động tài chính” tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh và doanh thu các hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Kết cấu và nội dung tài khoản 515

#### **Bên Nợ**

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (Nếu có)
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911- “xác định kết quả kinh doanh”

#### **Bên Có**

- Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

*\*Phương pháp hạch toán: được thể hiện khái quát qua sơ đồ 1.6*

#### 1.2.5.2: Kế toán chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn, liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư khác, khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ

\* Tài khoản sử dụng

Tài khoản 635 “Chi phí tài chính”



**Bên Nợ**

- Chi phí tiền lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính.
- Lỗ bán ngoại tệ.
- Chiết khấu thanh toán cho người mua.
- Các khoản lỗ cho thanh lý nhượng bán các khoản đầu tư.
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện).
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết).
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (Lỗ tỷ giá giai đoạn trước hoạt động) Đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

**Bên Có**

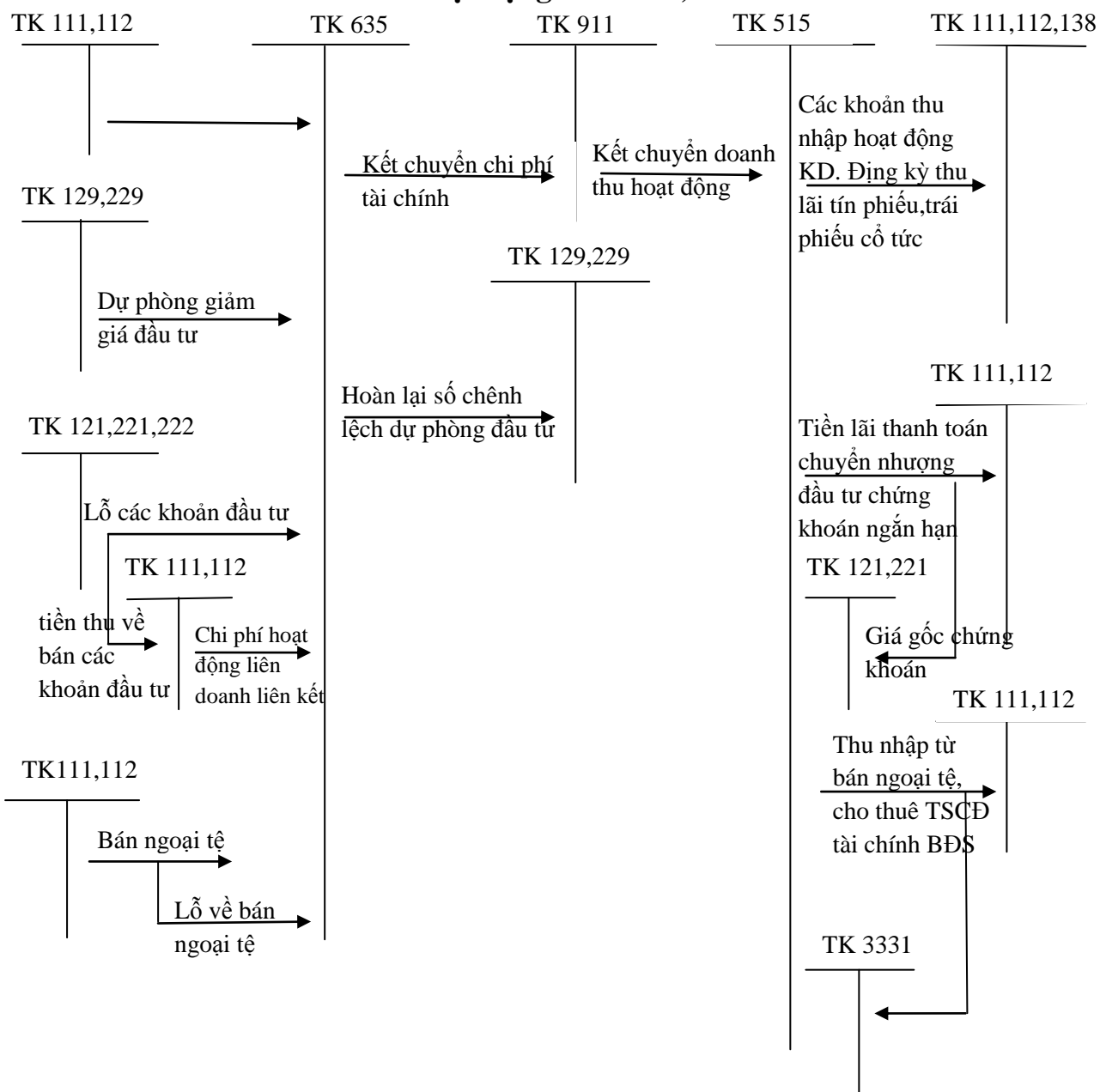
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ

Phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

*\*Phương pháp hạch toán: Được khái quát qua sơ đồ 1.6*

**Sơ đồ 1.6: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính**



1.2.6: Kế toán hoạt động khác

1.2.6.1: Kế toán thu nhập khác

❖ Tài khoản sử dụng.

\*Tài khoản 711 “ Thu nhập khác”.

\*Kết cấu nội dung tài khoản

**Bên Nợ**

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác(nếu có).
- Cuối kỳ kết chuyển các khoản thu nhập khác sang tài khoản 911.

**Bên Có**

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

\*Phương pháp hạch toán: được khái quát qua sơ đồ 1.7

1.2.6.2: Kế toán chi phí khác.

❖ Tài khoản sử dụng

\*Tài khoản 811 “Chi phí khác”

\*Kết cấu nội dung tài khoản

**Bên Nợ**

- Các khoản chi phí khác phát sinh

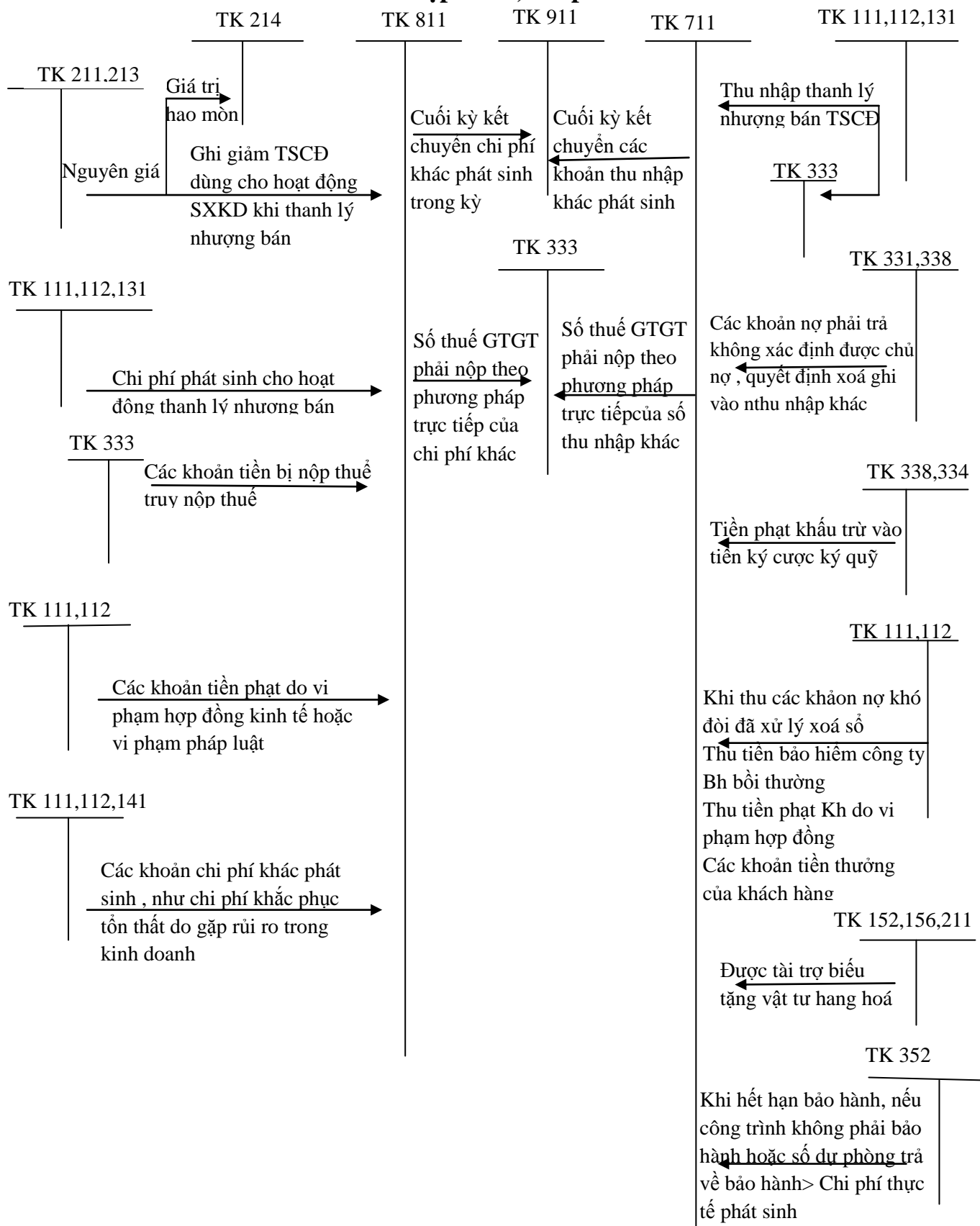
**Bên Có**

- Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ

*\*Phương pháp hạch toán: được khái quát qua sơ đồ 1.7*

**Sơ đồ 1.7: Kế toán thu nhập khác, chi phí khác**



### **1.2.7: Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Khái niệm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp) là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Tài khoản 821 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp” dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

#### **1.2.7.1: Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

❖ Tài khoản sử dụng

*\*Tài khoản 8211 : chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*

*\*Kết cấu và nội dung tài khoản*

#### **Bên Nợ**

- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm hiện tại.

#### **Bên Có**

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp đã ghi nhận trong năm.



## *Khoá luận tốt nghiệp*

- Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên Có tài khoản 8212 lớn hơn số phát sinh bên Nợ 8212- “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” phát sinh trong năm vào bên Có tài khoản 911.

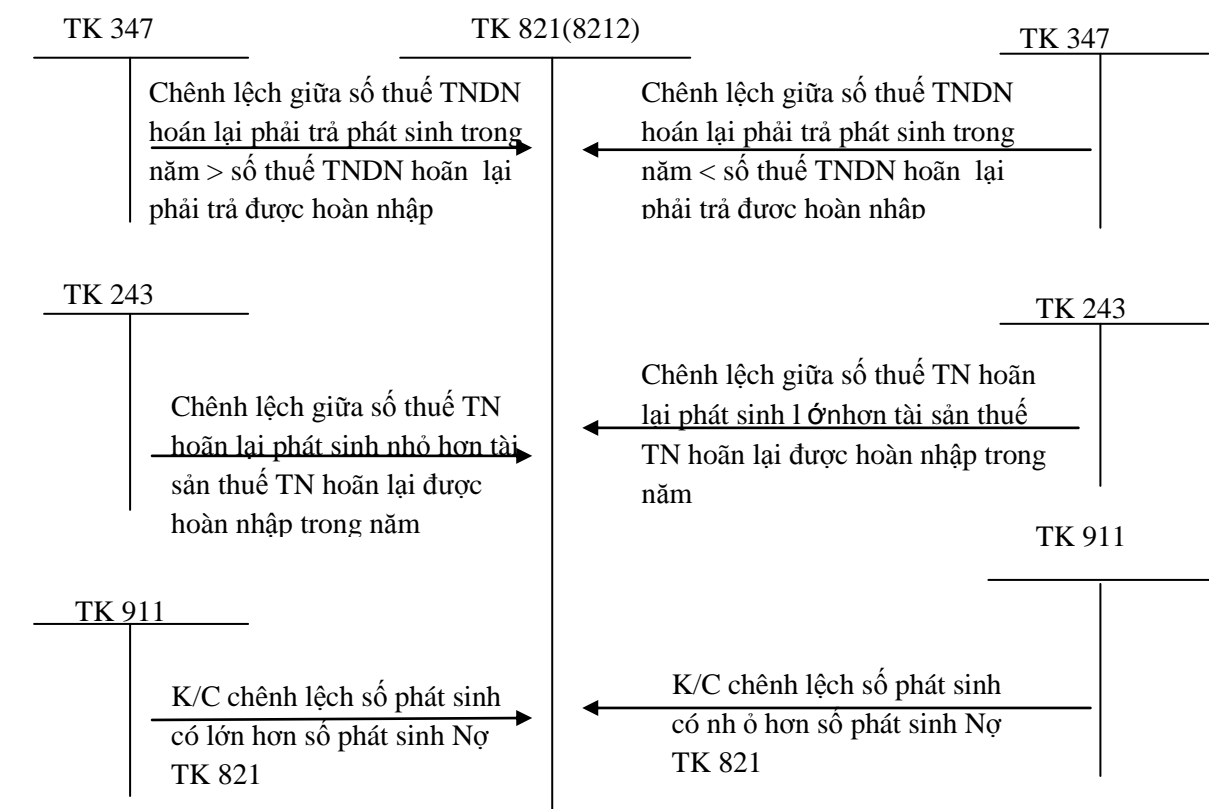
### **Bên Có**

- Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại (Số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm.
- Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên Có TK 8212 “ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại “ nhỏ hơn số phát sinh bên Nợ TK 8212 “ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” phát sinh trong kỳ vào bên Nợ Tài khoản 911- “ Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 8212 không có số dư cuối kỳ

*Phương pháp kế toán: được khái quát qua sơ đồ 1.9*

### **Sơ đồ 1.9: Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**



1.2.8.: Kế toán xác định kết quả kinh doanh

❖ Khái niệm

- Sau một kỳ kế toán , cần các định kết quả của hoạt động kinh doanh trong kỳ với yêu cầu chính xác và kịp thời . Chú ý tới nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ hạch toán.

- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ , doanh thu hoạt động tài chính và giá trị vốn hàng bán , chi phí bán hàng , chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí tài chính

- Lợi nhuận khác là số chênh lệch giữa thu nhập khác và chi phí khác.

❖ Tài khoản sử dụng

*\*Tài khoản 911 “ Xác định kết quả kinh*

**Bên Nợ**

- Trị giá vốn của sản phẩm , hàng hóa , dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ
- Chi phí bán hàng
- Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Chi phí tài chính
- Chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- Số lãi trước thuế của hoạt động kinh doanh trong kỳ

**Bên Có**

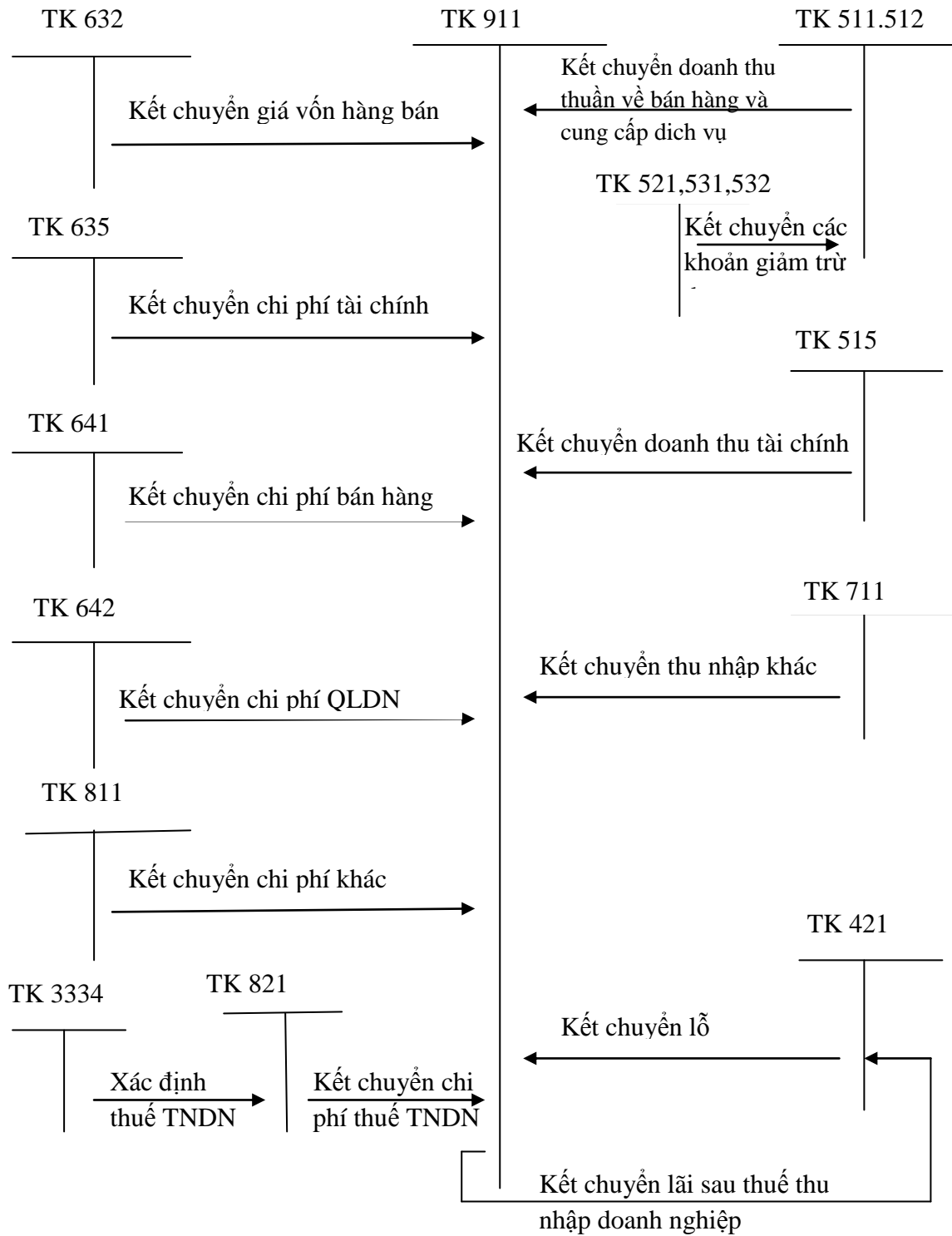
- Doanh thu thuần của sản phẩm , hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ
- Doanh thu hoạt động tài chính
- Thu nhập khác
- Số lỗ của hoạt động kinh doanh trong kỳ



Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

Phương pháp hạch toán: được khái quát qua sơ đồ 1.10

**Sơ đồ 1.10 : Kế toán xác định kết quả kinh doanh**



### **1.3: Tổ chức sổ kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**

\*Doanh nghiệp được áp dụng một trong năm hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký - sổ cái
- Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ
- Hình thức kế toán trên máy vi tính. Trong mỗi hình thức sổ kế toán có những quy định cụ thể về số lượng, kết cấu, mẫu sổ, trình tự, phương pháp ghi chép và mối quan hệ giữa các sổ kế toán.

\*Tại công ty cổ phần vận tải biển Vinaship trình tự ghi sổ được ghi theo hình thức kế toán Nhật ký chung.

\*Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung : Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau

- Sổ Nhật ký chung, sổ Nhật ký đặc biệt
- Sổ Cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

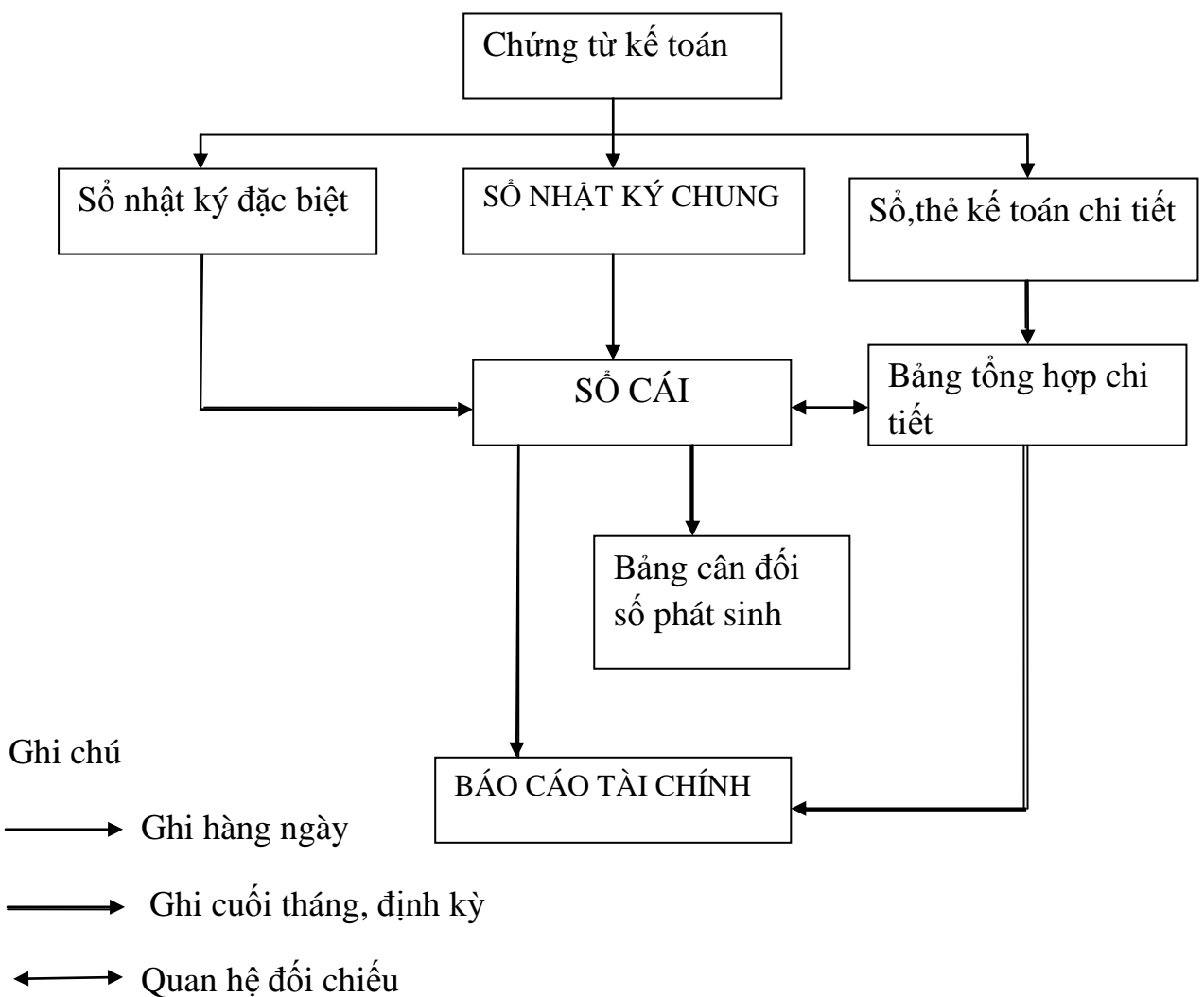
#### **Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung**

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra dung làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên nhật ký chung để ghi vào sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu

đơn vị có mở sổ , thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng , cuối quý cuối năm cộng số liệu trên sổ cái , lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết(Được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập báo cáo tài chính.

**Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ theo hình thức nhật ký chung**



---

---

**CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH  
THU , CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

**2.1: Khái quát về công ty cổ phần vận tải biển VINASHIP.**

2.1.1: Quá trình hình thành và phát triển của công ty cổ phần vận tải biển VINASHIP.

Công ty cổ phần vận tải biển VINASHIP là doanh nghiệp Nhà nước hoạt động theo Luật Doanh nghiệp thành lập theo quyết định số 2264/QĐ - BGTVT ngày 24/10/2006 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi công ty Vận tải biển III, đơn vị thành viên của Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam thành Công ty cổ phần.

Trụ sở chính của công ty: Số 1 Hoàng Văn Thụ - quận Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng.

Công ty có các chi nhánh tại: Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng, thành phố Hạ Long - Quảng Ninh và các đơn vị hạch toán phụ thuộc: Xí nghiệp Dịch vụ vận tải, Xí nghiệp Xếp dỡ vận tải và dịch vụ, Đội sửa chữa phương tiện.

Tên giao dịch quốc tế của công ty: VINASHIP JOINT STOCK COMPANY (viết tắt là: VINASHIP).

- Năm 1956: Thành lập Quốc doanh vận tải Sông biển.
- Năm 1961: Tách bộ phận đường sông thành Công ty 102; bộ phận đường biển thành Công ty vận tải Đường biển Việt Nam (Công ty 101).
- Năm 1964: Tiếp quản đoàn đánh cá Quảng Bình, thành Công ty 103.
- Ngày 04/10/1966: Cục Hàng Hải quyết định giải thể Công ty 101 để thành lập: đội tàu Giải phóng (quản lý đội tàu vận tải biển) và đội tàu Quyết thắng (quản lý đội tàu vận tải tuyến đường sông).

## ***Khoá luận tốt nghiệp***

---

- Ngày 28/10/1967: Cục Đường biển ra quyết định giải thể Công ty 103, thành lập đội tàu Tự lực.

- Ngày 1/7/1970: Bộ Giao Thông Vận Tải (BGTVT) ra quyết định giải thể 3 đội tàu và thành lập Công ty Vận Tải Biển Việt Nam (VOSCO).

- Ngày 1/4/1975: BGTVT ra quyết định thành lập Công ty Vận tải ven biển Việt Nam (VIETCOSHIP), quản lý toàn bộ khối tàu nhỏ của Công ty vận tải biển Việt Nam.

- Ngày 1/4/1983: BGTVT ra quyết định giải thể Công ty vận tải ven biển, thành lập Xí nghiệp Vận tải biển.

- Ngày 10/3/1984: BGTVT ra quyết định thành lập Công ty Vận Tải Biển III (VINASHIP) trên cơ sở Xí nghiệp vận tải nói trên bằng quyết định số 694/QĐ - TCCB.

- Ngày 23/3/1993: BGTVT ra quyết định thành lập lại Công ty VINASHIP theo QĐ số 463/QĐ - TCCB

- Ngày 24/10/2006: BGTVT ra quyết định chuyển đổi Công ty Vận Tải Biển III thành Công ty Cổ phần Vận Tải Biển VINASHIP. Công ty cổ phần chính.

thức hoạt động từ ngày 1/1/2007.

2.1.2: Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần vận tải biển VINASHIP.

- Kinh doanh vận tải biển.
- Đại lý hàng hải, môi giới và thuê tàu.
- Đại lý vận tải, giao nhận thu gom hàng hoá.
- Kinh doanh kho bãi, khai thác cầu cảng, xếp dỡ hàng hoá.
- Dịch vụ khai thuê hải quan.

- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá.
- Hoạt động chuyên doanh đưa người lao động và chuyên gia đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.
- Cho thuê văn phòng, kinh doanh khách sạn.

2.1.3: Những thuận lợi và khó khăn mà công ty gặp phải trong quá trình hoạt động.

Là một nền kinh tế phát triển sôi động, Việt nam có kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng với tốc độ gần 20%/ năm. Ngoại thương phát triển mạnh kéo theo nhu cầu dịch vụ hàng hải bao gồm vận tải dịch vụ.

Trong những năm gần đây nhất là sau khi Việt Nam gia nhập WTO sản lượng hàng hoá thông qua các cảng đã tăng nhanh chóng.

Khoảng 80% hàng hoá xuất nhập khẩu Việt Nam được vận chuyển bằng đường biển. Tuy nhiên hiện nay đội tàu trong nước chỉ chiếm 20% thị phần, các hãng tàu nước ngoài với phương tiện hùng hậu chiếm 80% còn lại. Nguyên nhân cơ bản do năng lực đội tàu Việt Nam còn yếu. Trong bối cảnh các tiêu chuẩn an toàn hàng hải quốc tế ngày càng siết chặt lại, việc tăng cường đầu tư tàu có tải trọng lớn và độ tuổi trẻ là nhu cầu cấp bách. Đó là khó khăn chung của tất cả các hãng tàu cũng như của công ty.

Tuy nhiên Với mức tăng trưởng kinh tế trong thời gian qua dự kiến sẽ tiếp tục với tốc độ trên 8% trong vòng 5 năm nữa, kim ngạch xuất khẩu hàng hoá sẽ còn tăng từ 15- 20%/ năm. Dự báo mới nhất về lượng hàng hoá thông qua hệ thống cảng biển Việt Nam 2010 là 265 triệu tấn/ năm.

Được thành lập từ 1984 trên 20 năm hoạt động từng bước phát triển mở rộng đã tạo nên uy tín cho Vinaship.

Vinaship sở hữu một trong những đội tàu hàng khô lớn nhất Việt Nam.

## *Khoá luận tốt nghiệp*

### 2.1.4: Thành tích cơ bản đạt được trong những năm gần đây

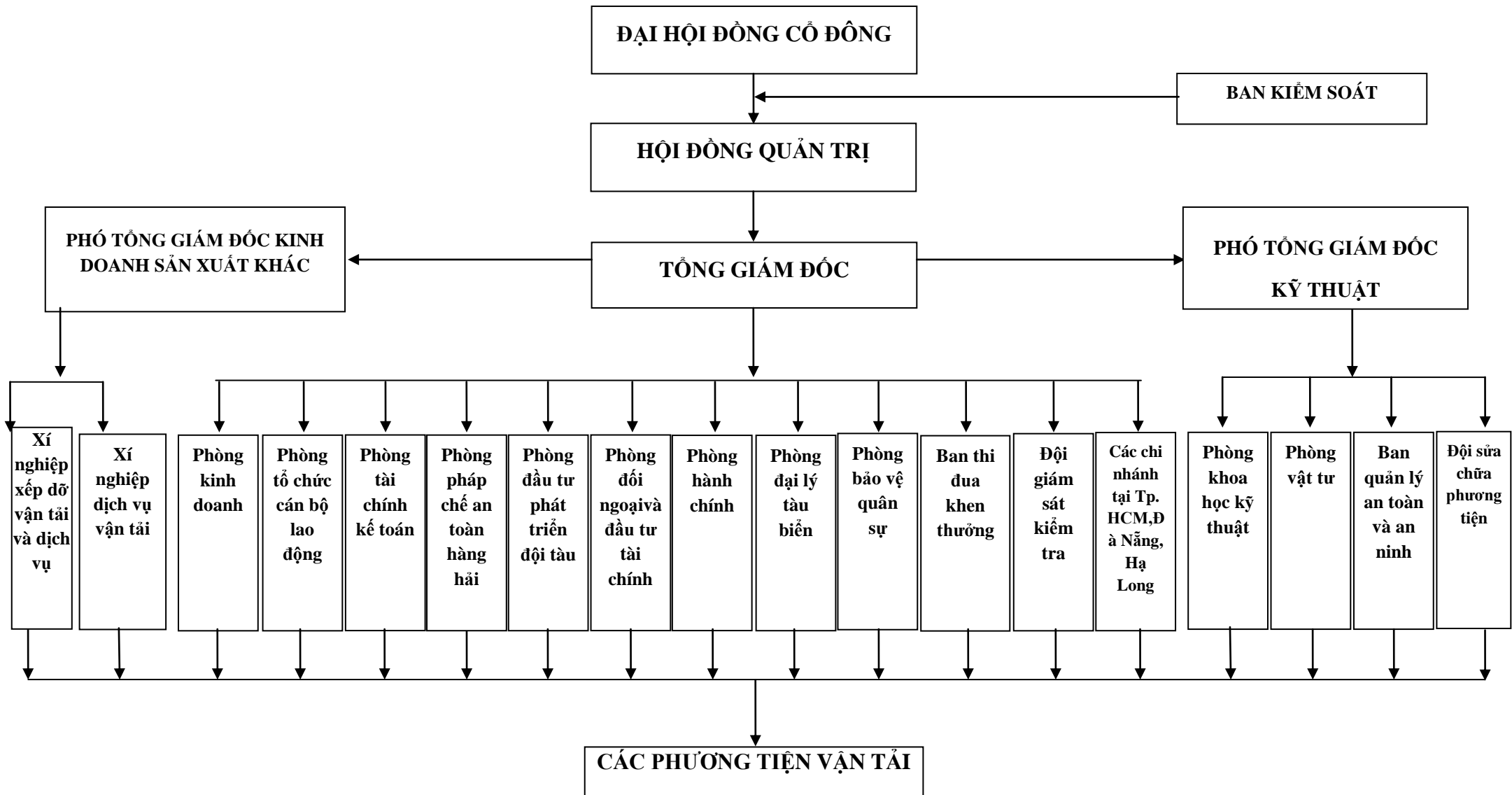
| <b>Chỉ tiêu</b>      | <b>2007</b> | <b>2008</b> | <b>2009</b> | <b>Chênh lệch 08/07(+/-)</b> | <b>Chênh lệch 08/07(%)</b> | <b>Chênh lệch 09/08(+/-)</b> | <b>Chênh lệch 09/08(%)</b> |
|----------------------|-------------|-------------|-------------|------------------------------|----------------------------|------------------------------|----------------------------|
| Doanh thu thuần      | 647203      | 899511      | 659383      | 2520307                      | 139%                       | 240127                       | 73%                        |
| Lợi nhuận trước thuế | 101633      | 81452       | 25.311      | 20181                        | 80%                        | 56141                        | 31%                        |
| Thuế TNDN hiện hành  | 125,234     | 73,408      | 5357        | 51,826                       | 59%                        | 5284                         | 7298%                      |
| Lợi nhuận sau thuế   | 101508      | 81378       | 19953       | 20129                        | 80%                        | 61425                        | 25%                        |

Năm 2008, cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu đã làm cho nền kinh tế của nhiều quốc gia rơi vào suy thoái. Tình hình năm 2009 sẽ rơi vào tình trạng khó khăn hơn năm 2008. Trong năm 2009 nguồn hàng hóa cho vận tải biển suy giảm, giá cước vận tải xuống mức rất thấp và do tính chất mùa vụ. Hàng xuất khẩu gạo giảm mạnh do ảnh hưởng của thị trường, chính sách an ninh lương thực nên doanh thu năm 2009 suy giảm hơn so với năm 2008.

Bên cạnh đó công ty cũng tạo được thương hiệu nên cũng được bạn hàng tin tưởng. Đội ngũ cán bộ hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ có kinh nghiệm và năng động.

### 2.1.5: Tổ chức bộ máy quản lý của công ty cổ phần vận tải biển VINASHIP

Sơ đồ 2.1. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty





**\* Chức năng và nhiệm vụ chủ yếu các phòng ban:**

- *Phòng kinh doanh:* là phòng nghiệp vụ tham mưu giúp tổng giám đốc quản lý khai thác đội tàu có hiệu quả, khai thác nguồn hàng.

- *Phòng tổ chức cán bộ lao động:* là phòng nghiệp vụ tham mưu giúp tổng giám đốc về công tác tổ chức cán bộ, lao động tiền lương trong hoạt động kinh doanh khai thác.

- *Phòng tài chính kế toán:* là phòng tham mưu cho tổng giám đốc về quản lý hoạt động tài chính, hạch toán kinh tế, hạch toán kế toán trong toàn Công ty. Quản lý kiểm soát các thủ tục thanh toán, hạch toán đề xuất các biện pháp triển khai để Công ty thực hiện và hoàn thành các chỉ tiêu về tài chính.

- *Phòng pháp chế an toàn hàng hải:* là phòng nghiệp vụ tham mưu cho tổng giám đốc về công tác pháp chế an toàn hàng hải.

- *Phòng đầu tư phát triển đội tàu:* là phòng nghiệp vụ tham mưu cho tổng giám đốc trong lĩnh vực quan hệ, giao dịch với các tổ chức doanh nghiệp trong và ngoài nước, nhằm xây dựng và triển khai các phương án đầu tư phát triển đội tàu của Công ty.

- *Phòng đối ngoại và đầu tư tài chính:* là phòng nghiệp vụ tham mưu cho tổng giám đốc trong lĩnh vực quan hệ, giao dịch với các tổ chức doanh nghiệp trong và ngoài nước nhằm phục vụ cho việc nắm bắt thông tin, mở rộng thị trường phát triển sản xuất kinh doanh. Giúp tổng giám đốc xây dựng và triển khai các phương án đầu tư tài chính của Công ty.

- *Phòng hành chính:* là phòng nghiệp vụ tham mưu giúp tổng giám đốc công việc hành chính như quản lý văn thư lưu trữ, quản lý đất đai, nhà cửa của khu vực văn phòng Công ty, quản lý và phục vụ cho các yêu cầu làm việc hội họp...

- *Phòng đại lý tàu biển:* là phòng nghiệp vụ tham mưu giúp tổng giám đốc mở rộng và phát triển công tác đại lý tàu biển, thu gom vận chuyển hàng

hoá, đại lý môi giới hàng hải, dịch vụ khai thuê hải quan, đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá đạt hiệu quả.

- *Phòng bảo vệ quân sự*: là phòng nghiệp vụ tham mưu giúp tổng giám đốc trong công tác bảo vệ quân sự.

- *Ban thi đua khen thưởng*: là đơn vị tham mưu cho tổng giám đốc và lãnh đạo Công ty về công tác thi đua lao động sản xuất.

- *Đội giám sát kiểm tra*: là bộ phận tham mưu cho tổng giám đốc giám sát kiểm tra thực hiện việc chấp hành chính sách, Pháp luật của Đảng, Nhà nước, nội quy, quy chế trong phạm vi Công ty.

- *Các chi nhánh tại TP. HCM, Đà Nẵng, Hạ Long*: Mỗi chi nhánh là một đơn vị trực thuộc trong mô hình tổ chức của Công ty được quyết định thành lập theo yêu cầu quản lý điều hành để phục vụ sản xuất tại những nơi đầu mối kinh tế xa trụ sở chính của Công ty.

- *Phòng khoa học kỹ thuật*: là phòng nghiệp vụ giúp tổng giám đốc về quản lý kỹ thuật định mức nhiên liệu, vật liệu của đội tàu, quản lý kiểm soát việc thực hiện các tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm về kỹ thuật, bảo quản, bảo dưỡng, sửa chữa phục vụ khai thác kinh doanh vận tải đạt hiệu quả.

- *Phòng vật tư*: là phòng nghiệp vụ giúp tổng giám đốc về quản lý, cấp phát nhiên liệu, vật tư của toàn Công ty.

- *Ban quản lý an toàn và an ninh*: là bộ phận tham mưu cho tổng giám đốc trong lĩnh vực quản lý an toàn, an ninh tàu.

- *Đội sửa chữa phương tiện*: được thành lập theo quyết định của tổng giám đốc Công ty có nhiệm vụ sửa chữa đột xuất hoặc định lý theo hạng mục sửa chữa cho các phương tiện vận tải của Công ty.

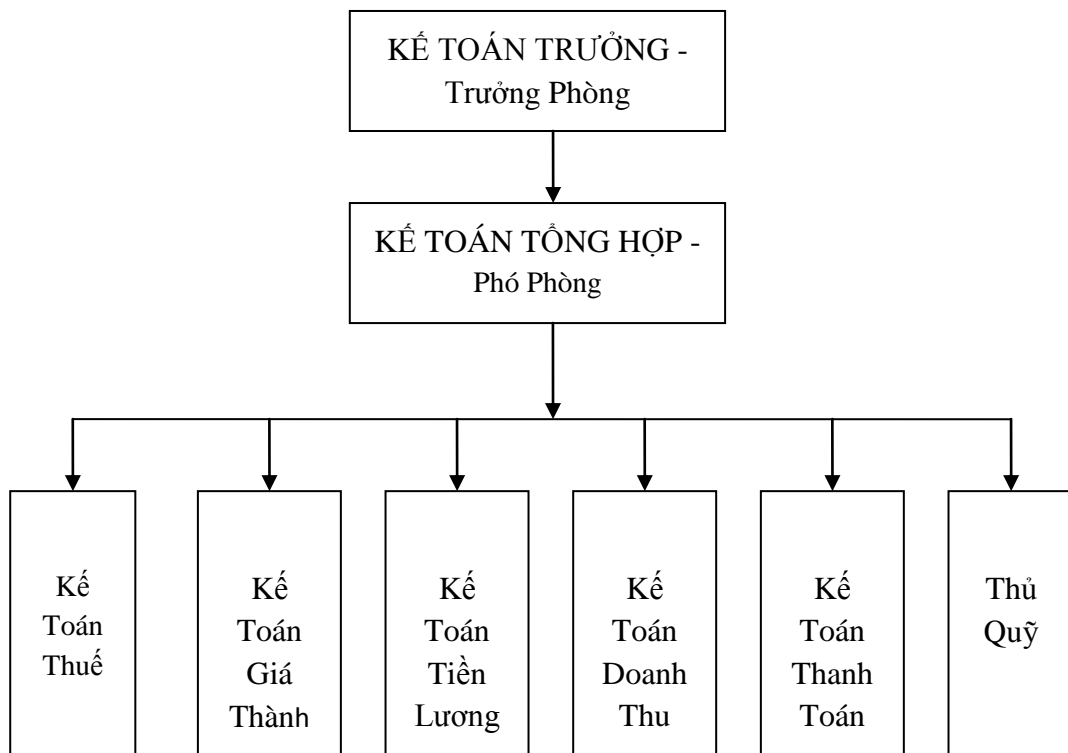
- *Xí nghiệp xếp dỡ vận tải và dịch vụ*: là đơn vị chịu sự ràng buộc nghĩa vụ, quyền lợi với Công ty, chịu sự quản lý điều hành trực tiếp của Phó Tổng

giám đốc kinh doanh sản xuất khác, trong lĩnh vực mở rộng và phát triển một số mặt kinh doanh dịch vụ khác.

- *Xí nghiệp dịch vụ vận tải*: là đơn vị chịu sự ràng buộc nghĩa vụ, quyền lợi với Công ty, chịu sự quản lý điều hành trực tiếp của Phó Tổng giám đốc kinh doanh sản xuất khác, trong việc tổ chức và điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

2.1.6: Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của Công ty

2.1.6.1: Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty



**Sơ đồ 2.2: Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty**

*b, Chức năng và nhiệm vụ:*

- *Kế toán trưởng*: Là người điều hành mọi công việc trong phòng kế toán, trực tiếp kiểm tra các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, ký duyệt chứng từ, báo cáo trước khi trình giám đốc, đồng thời phải duyệt quyết toán quý, năm theo

đúng chế độ. Tham mưu cho giám đốc Công ty trong việc sử dụng và quản lý có hiệu quả quá trình sản xuất kinh doanh.

- *Kế toán tổng hợp* : Có nhiệm vụ kiểm tra, đối chiếu và phân tích tình hình thực hiện các định mức chi phí. có trách nhiệm tổng hợp số liệu của các kế toán viên để lập báo cáo kế toán cuối kỳ.

- *Kế toán thuế*: Có nhiệm vụ tập hợp, khai thác các khoản thuế phải nộp ngân sách Nhà nước.

- *Kế toán giá thành*: Có nhiệm vụ tập hợp chi phí sản xuất trong kỳ, tính giá thành các công trình, hạng mục công trình, lao vụ, dịch vụ hoàn thành.

- *Kế toán tiền lương*: Tập hợp tiền lương, tiền thưởng trong tháng, trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo đúng tỷ lệ.

- *Kế toán doanh thu*: Có nhiệm vụ tập hợp doanh thu trong kỳ và theo dõi các công nợ.

- *Kế toán thanh toán*: Có nhiệm vụ viết các phiếu thu chi, thanh toán, tập hợp các khoản tiền mặt phát sinh trong kỳ

- *Thủ quỹ*: Chịu trách nhiệm về các khoản thu chi liên quan đến tiền mặt, quản lý và bảo quản tiền mặt.

*2.1.6.2. Chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty cổ phần vận tải biển Vinaship*

\* Niên độ kế toán áp dụng : Bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm

\* Đơn vị sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam

\*Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ\_BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng bộ tài chính , các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi , bổ sung , hướng dẫn thực hiện kèm theo

\* Phương pháp tính thuế giá trị gia tăng: áp dụng theo phương pháp khấu trừ

\* Hiện nay công ty đang sử dụng phần mềm kế toán Cyber. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của hình thức kế toán “ Nhật ký chung”

\* Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy vi tính của công ty

\_Sổ Nhật ký chung

\_Sổ cái

\_Sổ chi tiết và tổng hợp chi tiết của các tài khoản.

\* Công ty áp dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng.

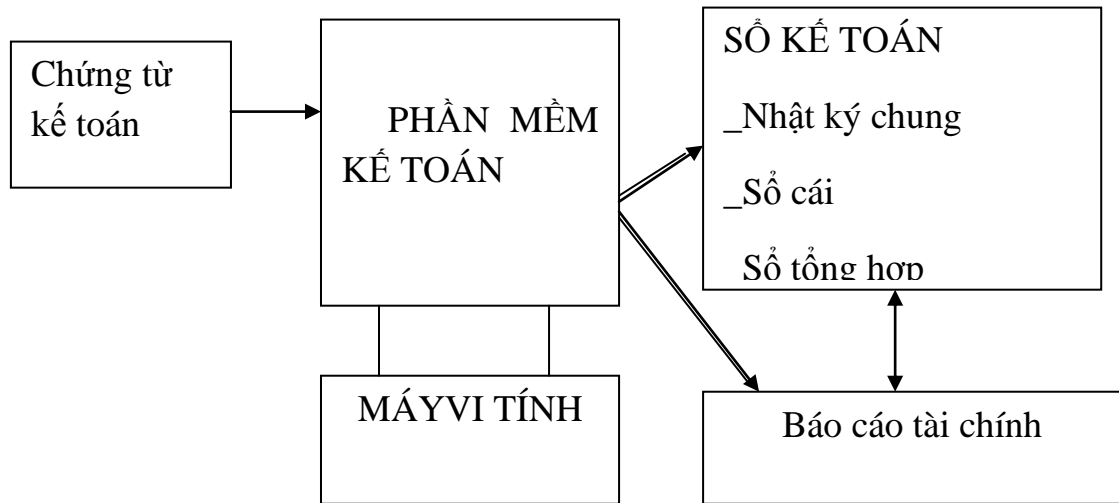
\* Công ty thực hiện hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

\* Hàng ngày kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán, xác định tài khoản ghi Nợ, ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm.

Theo quy trình của phần mềm kế toán , các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán.

Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với sổ chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác , trung thực theo thông tin đã nhập trong kỳ.

**Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức trên máy vi tính**



**Ghi chú**

- > Nhập số liệu hàng ngày
- ====> In sổ , báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ↔ Quan hệ đối chiếu

\*Hệ thống báo cáo kế toán : Báo cáo bao gồm:

- Báo cáo quyết toán thuế
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính

## **2.2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần vận tải biển VINASHIP**

2.2.1: Nội dung hạch toán doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh tại công ty cổ phần vận tải biển VINASHIP.

2.2.1.1: Kế toán doanh thu dịch vụ vận tải tại công ty cổ phần vận tải biển VINASHIP.

Vận tải biển là hoạt động kinh doanh chủ yếu của công ty. Bên cạnh đó, công ty cũng cung ứng các dịch vụ hàng hải liên quan như đại lý, bốc xếp hàng hoá chiếm tỷ trọng nhỏ nhưng góp phần đa dạng hàng hoá dịch vụ, cung cấp từ việc vận chuyển hàng hóa trong và ngoài nước.

Sản phẩm vận tải của công ty được xác định dựa trên hai chỉ tiêu

- Khối lượng hàng hóa vận chuyển : đơn vị tính là Tấn
- Khối lượng luân chuyển : đơn vị tính Tấn km

Sản phẩm của công ty được bán chủ yếu theo phương thức trực tiếp, phương thức trả chậm.

Đối tượng khách hàng của công ty có thể là trong nước hoặc nước ngoài. Khách hàng phải trả hết cước vận chuyển hoặc phần lớn cước vận chuyển trước khi chủ phương tiện giao hàng. Thỏa thuận này được ghi rõ trong hợp đồng vận chuyển hàng hóa.

Giá bán của sản phẩm xác định theo từng đơn đặt hàng để bù đắp được chi phí bỏ ra và căn cứ trên giá thị trường của sản phẩm.

Doanh thu vận tải = Giá cước/ tấn x Số tấn vận chuyển thực tế.

Đối với vận chuyển tuyến nước ngoài thì không phụ thuộc loại hàng hóa có chịu thuế GTGT hay không. Khi vận chuyển theo tuyến nước ngoài thuế GTGT phải chịu là 0%. Đối với vận chuyển tuyến nội địa và các dịch vụ tuyến nội địa đều là sản phẩm hàng hóa chịu thuế GTGT với mức thuế suất là 5%.

\* Tài khoản sử dụng.

TK 511 Doanh thu

TK 5111 : Doanh thu vận tải

TK 5112 : Doanh thu bốc xếp

TK 5113 : Doanh thu đại lý

TK 5114 : Doanh thu cho thuê thuyền viên

TK 5115 : Doanh thu cho thuê nhà cửa, kho bãi

TK 5116 : Doanh thu khác

Và các tài khoản khác có liên quan

\*Chứng từ sử dụng

- Công ty cổ phần vận tải biển VINASHIP là một doanh nghiệp thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ do đó chứng từ gốc được công ty sử dụng chủ yếu trong kế toán doanh thu bán hàng là hóa đơn GTGT hóa đơn được lập thành 3 liên.

Liên 1 :màu tím lưu lại phòng kế toán quyền hóa đơn.

Liên 2 màu đỏ giao cho khách hàng để lưu chuyển hàng hóa.

Liên 3 Màu xanh lưu hành nội bộ dùng để thanh toán.

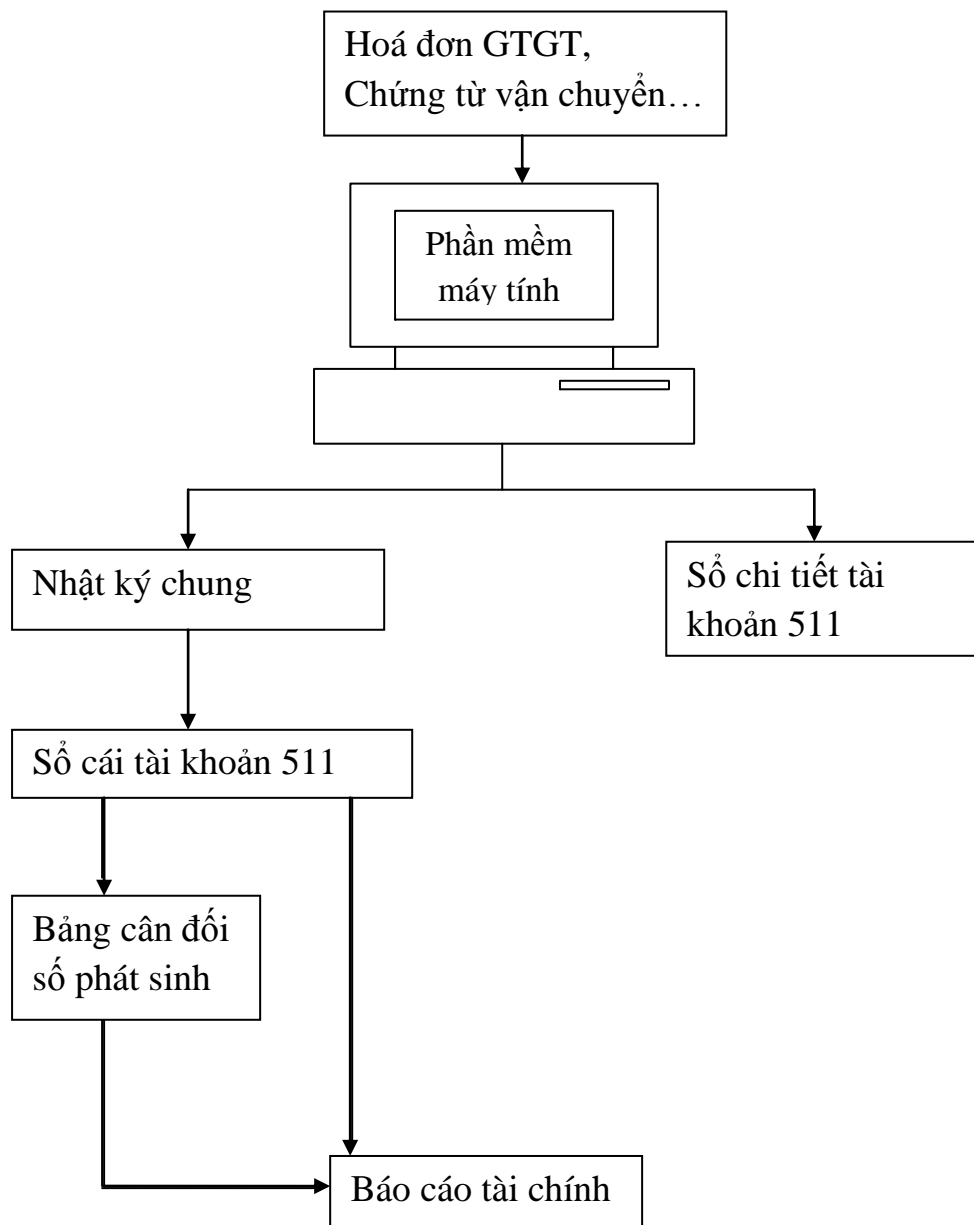
- Chứng từ xác nhận khối lượng vận chuyển, vận đơn.

- Chứng từ giảm trừ cho khách hàng(Phí tàu già).



\*Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

**Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu**



Ghi chú

Ghi hàng ngày      →

Ghi định kỳ        →

## ***Khoá luận tốt nghiệp***

---

Căn cứ vào chứng từ gốc như hoá đơn GTGT , vận đơn, chứng từ vận chuyển kế toán tiến hành vào phần mềm , nhập đầy đủ các thông tin. Phần mềm kế toán sẽ tự động chạy vào sổ nhật ký chung, sổ cái tài khoản 511, sổ chi tiết tài khoản 511.

Cuối tháng phần mềm tự động kết chuyển vào bảng cân đối số phát sinh và báo cáo tài chính.

*Ngày 30/11/2009 công ty hợp đồng vận chuyển đường tới cảng Bangkok của Thái lan*

*Từ hoá đơn giá trị gia tăng số 0043802(biểu số 01) .Tổng giá trị 93.525 USD, hay 1.767.248.400 đồng. Công ty quy đổi USD ra đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm giao dịch*

- Công ty vào phần mềm kế toán.
- Vào phân hệ bán hàng rồi vào hoá đơn dịch vụ nhập thông tin vào phần mềm tự động chạy vào sổ nhật ký chung( biểu số24 ) rồi vào cái tài khoản 511 ( biểu số 02), sổ chi tiết tài khoản 5111(biểu số 03 )

**Khoá luận tốt nghiệp**

**Biểu số 01: Hoá đơn Giá trị gia tăng**

| <b>HOÁ ĐƠN</b><br><b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b><br>Liên 3:Nội bộ<br>Ngày.18 tháng 12 năm 2009   |  |                                       |          |  |                   |                                       |                                |                         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|---|--|---------------------------------------|----------|--|-------------------|---------------------------------------|--------------------------------|-------------------------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| Đơn vị bán hàng:..... <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse; margin-left: 20px;"> <tr> <td style="padding: 2px;">CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP</td> </tr> <tr> <td style="padding: 2px;">SỐ 1 HOÀNG VĂN THỤ - HẢI PHÒNG</td> </tr> <tr> <td style="padding: 2px;">MST : <b>0200119965</b></td> </tr> </table>   |  |                                       |          |  |                   | CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP | SỐ 1 HOÀNG VĂN THỤ - HẢI PHÒNG | MST : <b>0200119965</b> |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP   |  |                                       |          |  |                   |                                       |                                |                         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| SỐ 1 HOÀNG VĂN THỤ - HẢI PHÒNG  |  |                                       |          |  |                   |                                       |                                |                         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| MST : <b>0200119965</b>   |  |                                       |          |  |                   |                                       |                                |                         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tên đơn vị : .....  |  |                                       |          |  |                   |                                       |                                |                         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Số tài khoản.....   |  |                                       |          |  |                   |                                       |                                |                         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Điện thoại : .....MS : <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse; margin-left: 10px;"> <tr> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> </tr> </table>            |  |                                       |          |  |                   |                                       |                                |                         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|   |  |                                       |          |  |                   |                                       |                                |                         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Họ tên người mua hàng : .....   |  |                                       |          |  |                   |                                       |                                |                         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tên đơn vị : ..... Bunge London Ltd.....  |  |                                       |          |  |                   |                                       |                                |                         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Địa chỉ : .....   |  |                                       |          |  |                   |                                       |                                |                         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Số tài khoản : .....  |  |                                       |          |  |                   |                                       |                                |                         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Hình thức thanh toán :Transfer MS <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse; margin-left: 10px;"> <tr> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> </tr> </table> |  |                                       |          |  |                   |                                       |                                |                         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|   |  |                                       |          |  |                   |                                       |                                |                         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| STT   | Tên hàng hoá dịch vụ   | Đơn vị tính                           | Số lượng | Đơn giá                                  | Thành tiền        |                                       |                                |                         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| A   | B  | C                                     | D        | E  | F                 |                                       |                                |                         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|   | Ovan freight for M/V Bình Phước shipping sugã in bulk Bangkok/Panjang<br><br>Less commission 2,5%- USD 2338.63 |                                       | 6.450    | 14.50                                    | 93 525.00         |                                       |                                |                         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| <b>Cộng tiền hàng</b>   |  |                                       |          |  | <b>93 525 .00</b> |                                       |                                |                         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Thuế suất GTGT 0% Tiền thuế GTGT  |  |                                       |          |  |                   |                                       |                                |                         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| <b>Tổng cộng tiền thanh toán:</b>   |  |                                       |          |  | <b>93 525.00</b>  |                                       |                                |                         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Viết bằng chữ : US dollare ninety-three thousand five hundred and twenty- five  |  |                                       |          |  |                   |                                       |                                |                         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Người mua hàng<br>(Ký, ghi rõ họ tên)   |  | Người bán hàng<br>(Ký, ghi rõ họ tên) |          | Thủ trưởng đơn vị<br>(Ký, ghi rõ họ tên) |                   |                                       |                                |                         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

*Khoá luận tốt nghiệp*

---

---

**Biểu số 02: Sổ cái tài khoản 511**

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

Tài khoản : 511 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tháng 12/2009

| Chứng từ   |          | Khách hàng                       | Diễn giải                     | TK<br>đ/ư | Số phát sinh    |               |
|------------|----------|----------------------------------|-------------------------------|-----------|-----------------|---------------|
| Ngày       | Số       |                                  |                               |           | Nợ              | Có            |
| .....      | ....     | .....                            | .....                         | .....     | .....           |               |
| 18/12/2009 | HĐ 43802 | Bunge London LTD                 | Doanh thu cước tàu Bình Phước | 112       |                 | 1.767.248.400 |
| 22/12/1009 | HĐ 56346 | United Ovean shipping            | Doanh thu cước tàu Mỹ An      | 112       |                 | 2.443.961.694 |
| 28/12/2009 | HĐ 62579 | Tổng công ty lương thực miền Nam | Doanh thu cước tàu Mỹ Thịnh   | 112       |                 | 4.654.769.546 |
| .....      | .....    | .....                            | .....                         | .....     | .....           | .....         |
|            |          |                                  |                               |           |                 |               |
| 31/12/2009 | PKT      | -                                | Kết chuyển 511 => 911         | 911       | 186.438.675.034 |               |
|            |          |                                  |                               |           |                 |               |

Cộng phát sinh nợ: 186.438.675.034

Cộng phát sinh có : 186.438.675.034

Số dư cuối kỳ : 0

**Biểu 03: Sổ chi tiết tài khoản 511**

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**  
Tài khoản :51110 – Doanh thu –Tàu Bình Phước  
Tháng 12/2009

| Chứng từ   |          | Khách hàng       | Diễn giải                | TK đ/ư | Số phát sinh  |               |
|------------|----------|------------------|--------------------------|--------|---------------|---------------|
| Ngày       | Số       |                  |                          |        | Nợ            | Có            |
|            |          |                  |                          |        |               |               |
| 18/12/2009 | HĐ 43802 | Bunge London LTD | Doanh thu tàu Bình Phước | 112    |               | 1.767.248.400 |
|            |          |                  |                          |        |               |               |
| 31/12/2009 | PKT      | -                | Kết chuyển 51110=>911110 | 911110 | 1.767.248.400 |               |
|            |          |                  |                          |        |               |               |

Cộng phát sinh nợ: 1.767.248.400

Cộng phát sinh có : 1.767.248.400

Số dư cuối kỳ : 0

2.2.1.2: Kế toán giá vốn hàng bán

Đồng thời với việc ghi nhận doanh thu là ghi nhận giá vốn hàng bán.

Với ngành vận tải và dịch vụ sản phẩm được hoàn thành và bàn giao ngay mà không nhập lại kho. Công ty thực hiện theo đơn đặt hàng nên giá vốn của sản phẩm chính là tổng các chi phí phát sinh trong quá trình vận chuyển hàng hoá.

\*Hàng tháng kế toán phải tiến hành kết chuyển toàn bộ chi phí phát sinh cho từng tàu như chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (TK 621), chi phí nhân công trực tiếp (TK 622) chi phí sản xuất chung (TK 627) để phục vụ cho việc tính giá thành.

Nợ TK 154

Có TK 621, 622, 627

\*Do công ty hoạt động trong lĩnh vực vận tải nên không có sản phẩm dở dang

Nợ TK 632

Có TK 154

Đối với doanh thu bán hàng : Giá vốn là toàn giá mua và chi phí liên quan đến hàng hoá đó kể cả chi phí bán hàng

Đối với doanh thu dịch vụ kho bãi : Các chi phí về khấu hao bến bãi , chi phí nhà xưởng , nhân công đều được tập hợp thành giá vốn

Giá vốn hàng hóa của công ty được tính theo phương pháp thực tế đích danh . Phương pháp này phù hợp với quá trình hoạt động của công ty , đảm bảo tính kịp thời của thông tin kinh tế, khối lượng công việc

\*Tài khoản sử dụng

TK 632 Giá vốn hàng bán

6321 : Vận tải Tài khoản này được mở chi tiết cho từng tàu

6322 : Bốc xếp

6323 : Đại lý

6324 : Cho thuê thuyền viên

6325 : Cho thuê nhà cửa, kho bãi

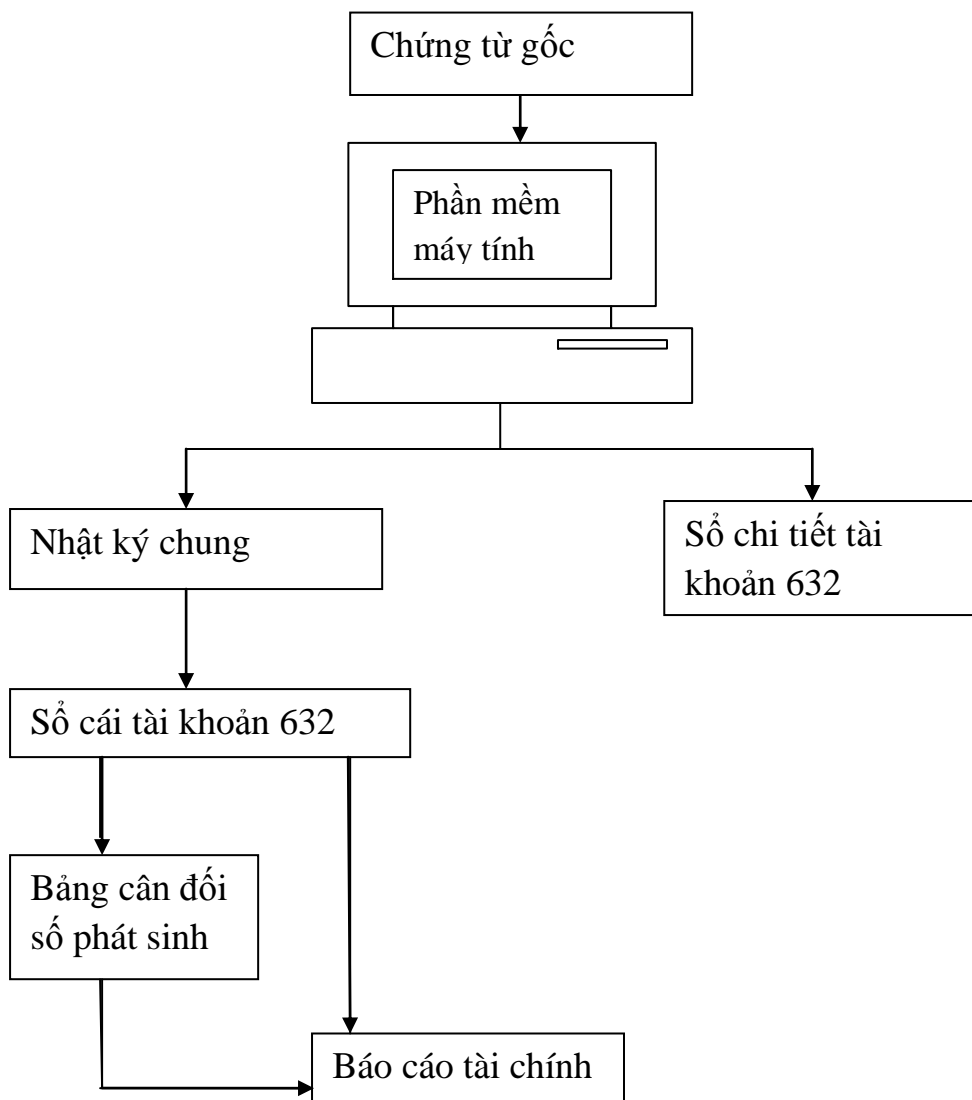
6326 : Dịch vụ khác

\*Chứng từ sử dụng

- Chứng từ kết chuyển chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp
- Chứng từ kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp
- Chứng từ kết chuyển chi phí sản xuất chung
- Chứng từ kết chuyển giá thành thực tế.

\*Quy trình hạch toán kế toán giá vốn hàng bán

**Sơ đồ 2.5: Trình tự ghi sổ kế toán giá vốn**



Ghi chú

Ghi hàng ngày       $\longrightarrow$

Ghi định kỳ          $\longrightarrow$

Căn cứ vào chứng từ gốc, kế toán tiến hành vào phần mềm , nhập đầy đủ các thông tin. Phần mềm kế toán sẽ tự động chạy vào sổ nhật ký chung, sổ chi tiết tài khoản 632, Sổ chi tiết tk 632.

Cuối tháng phần mềm tự động kết chuyển vào bảng cân đối số phát sinh và báo cáo tài chính.

Trong năm công ty vận chuyển khối lượng lớn hàng hoá. Giá vốn của hàng hoá là toàn bộ chi phí liên quan đến hàng hoá đó như chi phí nguyên vật liệu trực tiếp(TK 621), Chi phí nhân công trực tiếp (TK 622), chi phí sản xuất chung(TK 627) . Cuối kỳ được kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí sang tài khoản 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

Nợ TK 154

Có TK 621, 622, 627

Do công ty hoạt động trên lĩnh vực vận tải nên không có sản phẩm dở dang.Căn cứ vào các chứng từ kết chuyển kế toán ghi nhận

Nợ TK 632

Có TK 154

*Ngày 30/11/2009 công ty hợp đồng vận chuyển đường tới cảng Bangkok của Thái lan kế toán tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung (Biểu số 04 ) kết chuyển vào toàn bộ giá vốn tính giá thành thực tế,kết chuyển vào phiếu kế toán(biểu số05) rồi vào nhật ký chung(biểu số 24), sổ chi tiết tài khoản 632(biểu số06), sổ cái 632 (biểu số07)*



**Khoá luận tốt nghiệp**

**Biểu 04: Sổ chi tiết tài khoản 154**

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**

Tài khoản 154110 – Chi phí sản xuất kinh doanh tàu Bình Phước

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Tháng 12/2009

Số dư đầu kỳ : 0

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

| Chứng từ   |     | Khách hàng | Diễn giải                        | TK đ/ư | Số phát sinh |             |
|------------|-----|------------|----------------------------------|--------|--------------|-------------|
| Ngày       | Số  |            |                                  |        | Nợ           | Có          |
| 31/12/2009 | PKT | -          | Kết chuyển chi phí 62110=>154110 | 621110 | 110 925 975  |             |
| 31/12/2009 | PKT | -          | Kết chuyển chi phí 62110=>154110 | 621110 | 500 109 420  |             |
| 31/12/2009 | PKT | -          | Kết chuyển chi phí 62110=>154110 | 621110 | 213 216 800  |             |
| 31/12/2009 | PKT | -          | Kết chuyển chi phí 62110=>154110 | 621110 | 1 520 955    |             |
| 31/12/2009 | PKT | -          | Kết chuyển chi phí 62110=>154110 | 621110 | 2 350 000    |             |
| 31/12/2009 | PKT | -          | Kết chuyển chi phí 62110=>154110 | 622110 | 337 603 788  |             |
| 31/12/2009 | PKT | -          | Kết chuyển chi phí 62110=>154110 | 622110 | 2 385 475    |             |
| 31/12/2009 | PKT | -          | Kết chuyển chi phí 62110=>154110 | 622110 | 12 806 400   |             |
| 31/12/2009 | PKT | -          | Kết chuyển chi phí 62110=>154110 | 622110 | 32 400 000   |             |
| 31/12/2009 | PKT | -          | Kết chuyển chi phí 62110=>154110 | 622110 | 200 888 971  |             |
| 31/12/2009 | PKT | -          | Kết chuyển chi phí 62710=>154110 | 627110 | 6 270 000    |             |
| 31/12/2009 | PKT | -          | Kết chuyển chi phí 62710=>154110 | 627110 | 29 496 425   |             |
| 31/12/2009 | PKT | -          | Kết chuyển chi phí 62710=>154110 | 627110 | 11 407 161   |             |
| 31/12/2009 | PKT | -          | Kết chuyển chi phí 62710=>154110 | 627110 | 43 081 750   |             |
| 31/12/2009 | PKT | -          | Kết chuyển chi phí 62710=>154110 | 627110 | 1 180 000    |             |
| 31/12/2009 | PKT | -          | Kết chuyển chi phí 62710=>154110 | 627110 | 107 605 280  |             |
| 31/12/2009 | PKT | -          | Kết chuyển chi phí 63210=>154110 | 632110 |              | 500 109 420 |
| 31/12/2009 | PKT | -          | Kết chuyển chi phí 63210=>154110 | 632110 |              | 200 888 971 |
| 31/12/2009 | PKT | -          | Kết chuyển chi phí 63210=>154110 | 632110 |              | 141 927 280 |
| 31/12/2009 | PKT | -          | Kết chuyển chi phí 63210=>154110 | 632110 |              | 100 000 000 |
| 31/12/2009 | PKT | -          | Kết chuyển chi phí 63210=>154110 | 632110 |              | 62 176 292  |
| 31/12/2009 | PKT | -          | Kết chuyển chi phí 63210=>154110 | 632110 |              | 337 603 788 |
| 31/12/2009 | PKT | -          | Kết chuyển chi phí 63210=>154110 | 632110 |              | 270 542 649 |

Tổng phát sinh nợ: 1 613 248 400

Tổng phát sinh có: 1 613 248 400

Số dư cuối kỳ : 0



**Biểu 06: Sổ chi tiết tài khoản 632**

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**

Tài khoản 632110 : Giá vốn hàng bán - tàu Bình Phước

Tháng 12/2009

| Chứng từ   |             | Khách hàng                       | Diễn giải                 | TK đ/ư | Số phát sinh  |               |
|------------|-------------|----------------------------------|---------------------------|--------|---------------|---------------|
| Ngày       | Số          |                                  |                           |        | Nợ            | Có            |
|            |             |                                  |                           |        |               |               |
| 31/12/2009 | PKT KC48/12 | Công ty CP vận tải biển Vinaship | Kết chuyển 154110=>632110 | 154110 | 1.613.248.400 |               |
|            |             |                                  |                           |        |               |               |
| 31/12/2009 | PKT         | -                                | Kết chuyển 632110=>911110 | 911110 |               | 1.613.248.400 |
|            |             |                                  |                           |        |               |               |

Cộng phát sinh nợ: 1.613.248.400

Cộng phát sinh có : 1.613.248.400

Số dư cuối kỳ : 0

**Khoá luận tốt nghiệp**

**Biểu 07: Sổ cái tài khoản**

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

Tài khoản : 632- Giá vốn hàng bán

Tháng 12/2009

| Chứng từ   |              | Khách hàng                       | Diễn giải                       | TK đ/u | Số phát sinh  |                 |
|------------|--------------|----------------------------------|---------------------------------|--------|---------------|-----------------|
| Ngày       | Số           |                                  |                                 |        | Nợ            | Có              |
| .....      | ....         | .....                            | .....                           | .....  | .....         |                 |
| 31/12/2009 | PKT KC 48/12 | Công ty CP vận tải biển Vinaship | Chi phí sản xuất tàu Bình Phước | 154110 | 1.613.248.400 |                 |
| 31/12/2009 | PKT KC58/12  | Công ty CP vận tải biển Vinaship | Chi phí sản xuất tàu Mỹ An      | 154111 | 1.453.872.768 |                 |
| 31/12/2009 | PKT KC61/12  | Công ty CP vận tải biển Vinaship | Chi phí sản xuất tàu Mỹ Hưng    | 154113 | 4.654.769.546 |                 |
| .....      | .....        | .....                            | .....                           | .....  | .....         |                 |
|            |              |                                  |                                 |        |               |                 |
| 31/12/2009 | PKT          | -                                | Kết chuyển 632 => 911           | 911    |               | 170.634.377.105 |

Cộng phát sinh nợ: 170.634.377.105

Cộng phát sinh có : 170.634.377.105

Số dư cuối kỳ : 0

2.2.1.3: Kế toán chi phí bán hàng

Công ty cổ phần vận tải biển VINASHIP là down vị hoạt động trong lĩnh vực vận tải biển nên chi phí bán hàng là hoa hồng phí phải trả cho người môi giới được ghi trong hợp đồng vận chuyển chính vì vậy chi phí bán hàng được tính riêng cho từng hoạt động của từng phương tiện vận tải.

\*Tài khoản sử dụng

Tài khoản 641 – chi phí bán hàng

Có các tài khoản cấp 2 tính riêng cho từng tàu

TK 64101 – Chi phí bán hàng tàu Hùng Vương 1

TK 64102 \_ Chi phí bán hàng tàu Hùng Vương 2

.....

TK 64108 \_ Chi phí bán hàng tàu Hà Đông

TK 64109 \_ Chi phí bán hàng tàu Hà Tiên

.....

TK 64119 \_ Chi phí bán hàng tàu Vinaship Sea

Và các tài khoản khác có liên quan

\*Chứng từ sử dụng

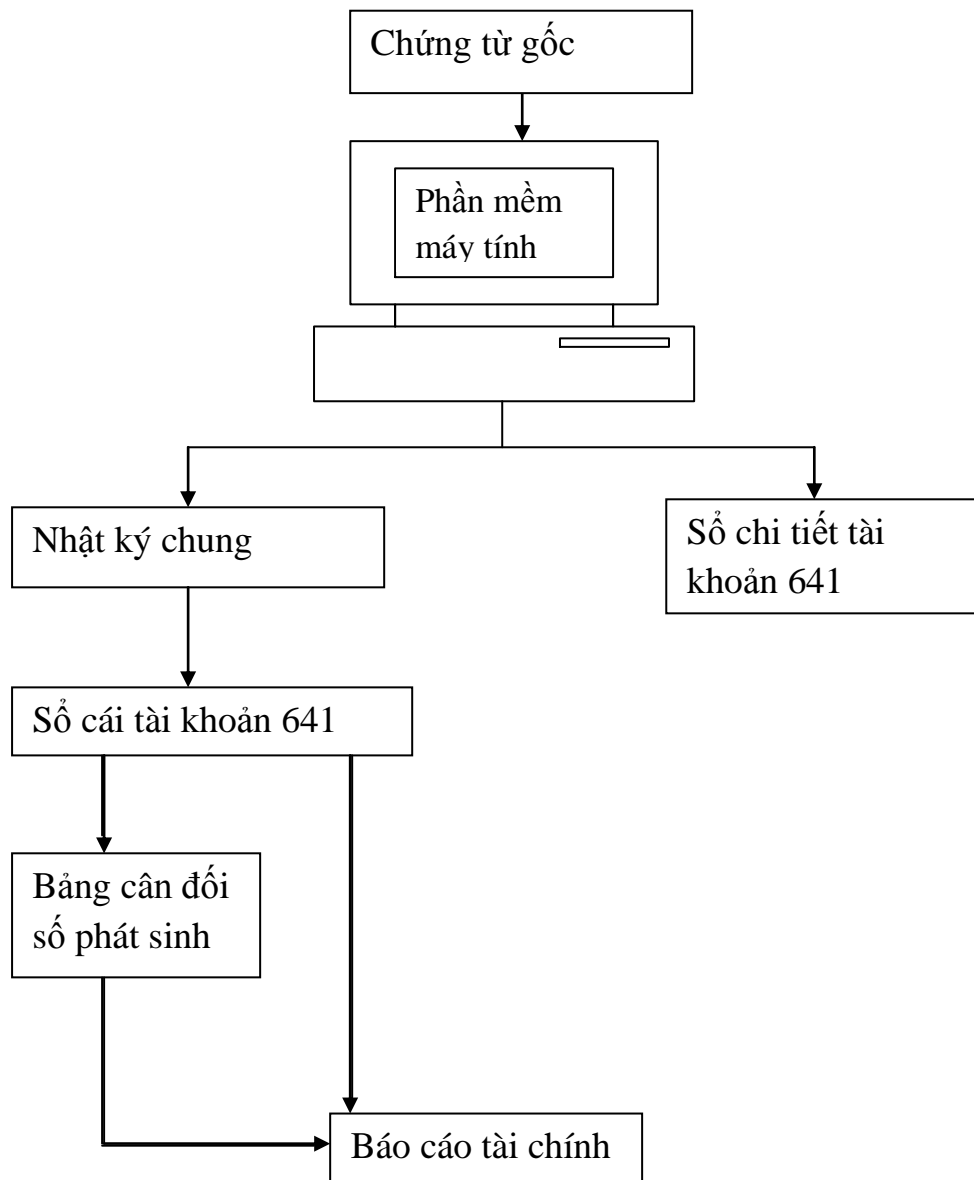
- Phiếu chi

- Phiếu kế toán

- Ủy nhiệm chi

\* Nguyên tắc hạch toán kế toán chi phí bán hàng.

**Sơ đồ 2.6: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí bán hàng**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi định kỳ →

## *Khoá luận tốt nghiệp*

---

Dựa vào chứng từ gốc như hợp đồng kinh tế, phiếu chi, uỷ nhiệm chi kế toán tiến hành vào phần mềm kế toán. Vào phân hệ tổng hợp chọn phiếu kế toán nhập đầy đủ thông tin. phần mềm kế toán sẽ chạy vào sổ Nhật ký chung, sổ chi tiết tài khoản 641, sổ cái tài khoản 641. Cuối kỳ phần mềm tự động kết chuyển để lập bảng cân đối số phát sinh và báo cáo tài chính.

*Từ hợp đồng vận chuyển hàng cho Bunge London LTD tới cảng của Bangkok Thái Lan. Hoa hồng phí được ghi rõ trong hợp đồng. Kế toán tiến hành vào phần mềm. Vào phân hệ tổng hợp rồi vào phiếu kế toán. Nhập đầy đủ các thông tin. Phần mềm kế toán sẽ tự động chạy vào sổ phiếu kế toán(biểu số08),Nhật ký chung( Biểu số 24 ) Rồi vào sổ chi tiết TK 641(Biểu số09 ), và sổ cái TK 641 (Biểu số10)*





**Biểu 09: Sổ chi tiết tài khoản 641**

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**

Tài khoản : 64110 – Chi phí bán hàng - Tàu Bình Phước

Tháng 12/2009

| Chứng từ   |               | Khách hàng | Diễn giải                   | TK đ/ư | Số phát sinh |            |
|------------|---------------|------------|-----------------------------|--------|--------------|------------|
| Ngày       | Số            |            |                             |        | Nợ           | Có         |
| 31/12/2009 | PKT TTCT16/12 |            | Hoa hồng phí tàu Bình Phước | 112    | 44.181.210   |            |
|            |               |            |                             |        |              |            |
| 31/12/2009 | PKT           | -          | Kết chuyển =>911110         | 911110 |              | 44.181.210 |

Cộng phát sinh nợ: 44.181.210

Cộng phát sinh có : 44.181.210

Số dư cuối kỳ : 0

**Biểu 10: Sổ cái tài khoản 641**

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

Tài khoản : 641 –Chi phí bán hàng

Tháng 12/2009

| Chứng từ   |                | Khách hàng            | Diễn giải                   | TK đ/ư | Số phát sinh |               |
|------------|----------------|-----------------------|-----------------------------|--------|--------------|---------------|
| Ngày       | Số             |                       |                             |        | Nợ           | Có            |
| .....      | ....           | .....                 | .....                       | .....  | .....        |               |
| 31/12/2009 | PKT TTCT16/12  | Bunge London LTD      | Hoa hồng phí tàu Bình Phước | 131    | 44.181.210   |               |
| 31/12/2009 | PKT TTCT 20/12 | United Ovean Shipping | Hoa hồng phí tàu Mỹ An      | 112    | 56.211.118   |               |
| 31/1/2009  | PKT TTCT24/12  | LINA CARRIERLTD       | Hoa hồng phí VNS Diamond    | 131    | 207.000.000  |               |
| .....      | ....           | .....                 | .....                       | .....  | .....        |               |
| 31/12/2009 | PKT            | -                     | Kết chuyển 641=>911         | 911    |              | 3.873.123.433 |

Cộng phát sinh nợ: 3.873.123.433

Cộng phát sinh có : 3.873.123.433

Số dư cuối kỳ : 0

#### 2.2.1.4: Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ khoản chi phí liên quan đến quản lý kinh doanh, quản lý hành chính, quản lý điều hành chung

Chi phí quản lý của công ty bao gồm : tiền lương , các khoản trích theo lương của bộ phận quản lý ,chi phí tiếp khách ,văn phòng phẩm, khấu hao TSCĐ, thông tin, chi phí đào tạo, tiền thuê nhà, tiền nước, sửa chữa nhà, quảng cáo, kinh phí nộp cấp trên , dự phòng phải thu khó đòi...Chi phí quản lý doanh nghiệp được phân bổ cho hoạt

động vận tải của từng phương tiện vận tải theo tỷ trọng tải

\* Chứng từ hạch toán

-Hóa đơn GTGT

- Phiếu chi

-Giấy báo nợ

-Bảng kê thanh toán tạm ứng

-Phiếu kế toán

-Các chứng từ khác có liên quan...

\*Tài khoản sử dụng

TK 642 :Chi phí quản lý doanh nghiệp

TK 6421 :Chi phí nhân viên quản lý

TK 6422 : Chi phí vật liệu quản lý

TK 6423 : Chi phí đồ dùng văn phòng

TK 6424 : Chi phí khấu hao tài sản cố định

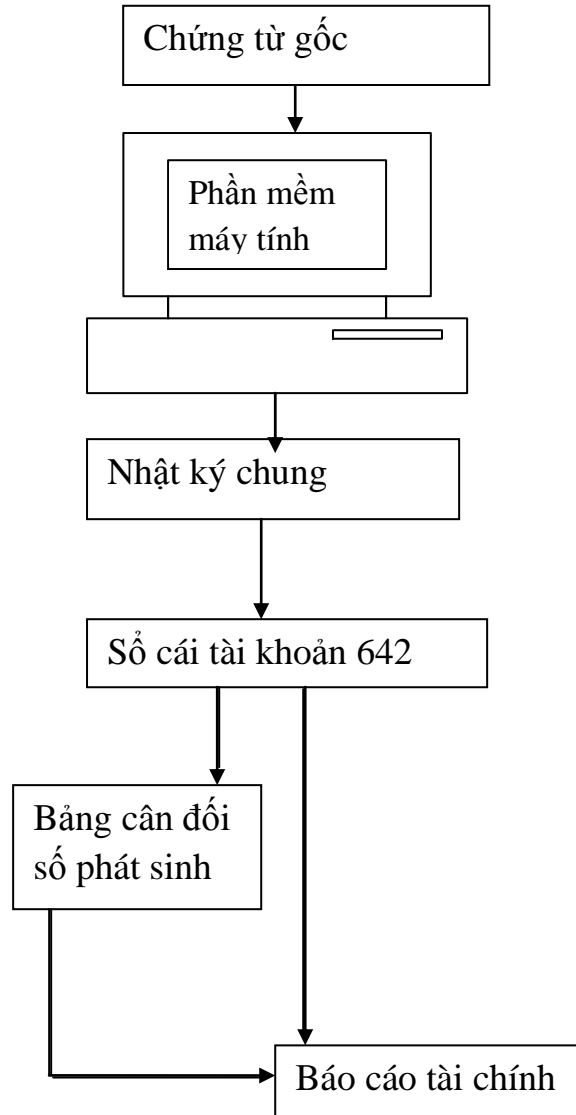
TK 6426: Chi phí dự phòng

TK 6427 : Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6428 : Chi phí khác bằng tiền

\*Quy trình hạch toán

**Sơ đồ 2.7: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi định kỳ →

## ***Khoá luận tốt nghiệp***

---

Căn cứ vào chứng từ gốc như hoá đơn GTGT, phiếu chi, uỷ nhiệm chi kế toán vào phần mềm kế toán. Vào phân hệ Hệ thống rồi vào phiếu kế toán nhập các thông tin. phần mềm tự động vào sổ nhật ký chung rồi vào sổ cái tài khoản 642

Cuối tháng kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển để lập bảng cân đối số phát sinh

*Ví dụ Ngày 10/12/2009 Công ty thanh toán tiền thù lao cho hội đồng quản trị và ban kiểm soát (Biểu 11) với tổng số tiền 23.700.00, kế toán ghi phiếu chi 3394 (biểu 12)*

*Từ phiếu chi và giấy đề nghị thanh toán thù lao hội đồng quản trị và ban kiểm soát kế toán vào phần mềm kế toán. Nhập đầy đủ thông tin. Phần mềm kế toán tự động chạy vào các sổ liên quan như sổ Nhật ký chung (Biểu số 24 ) rồi vào sổ cái TK 642 (Biểu số 13 )*

**Khoá luận tốt nghiệp**

**BIỂU 11: Biên bản thanh toán tiền thù lao HĐQT và BKS**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ĐỘC LẬP - TỰ DO- HẠNH PHÚC**

**ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN TIỀN THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & BAN KIỂM SOÁT**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12-05-2009

| I/ Danh sách HĐQT      | Chức danh   | Số tiền    | Truy thu thuế năm 2007&2008 | Còn nhận   | Ký nhận |
|------------------------|-------------|------------|-----------------------------|------------|---------|
| 1. Ông Đỗ Văn Hội      | Chủ tịch    | 5.000.000  |                             | 5.000.000  |         |
| 2. Ông Cao Minh Tuấn   | P. chủ tịch | 4.000.000  |                             | 4.000.000  |         |
| 3. Ông Đinh Văn Cầu    | Ủy viên     | 3.000.000  | 300.000                     | 2.700.000  |         |
| 4. Ông Mai Xuân Ngoạt  | Ủy viên     | 3.000.000  |                             | 3.000.000  |         |
| 5. Ông Lê Đức Trọng    | Ủy viên     | 3.000.000  |                             | 3.000.000  |         |
| 6. Ông Đoàn Văn Minh   | Ủy viên     | 3.000.000  | 3.000.000                   | 0          |         |
| 7. Ông Vương Ngọc Sơn  | Ủy viên     | 3.000.000  |                             | 3.000.000  |         |
| II/Danh sách BKS       |             |            |                             |            |         |
| 1. Ông Tô Hanh         | Trưởng ban  | 2.000.000  |                             | 2.000.000  |         |
| 2. Ông Đinh Huy Dũng   | Ủy viên     | 1.000.000  |                             | 1.000.000  |         |
| 3. Bà Trần Thị Kim Lan | Ủy viên     | 1.000.000  | 1.000.000                   | 0          |         |
| Tổng cộng              |             | 28.000.000 | 4.300.000                   | 23.700.000 |         |

*(Hai mươi ba triệu bảy trăm nghìn đồng chẵn)*

LÃNH ĐẠO DUYỆT

*Hải phòng, ngày 10 tháng 12 năm 2009*

**Biểu 12: Phiếu chi**

CÔNG TY CP VẬN TẢI BIÊN VINASHIP  
SỐ 1-HOÀNG VĂN THỤ-HP

**PHIẾU CHI**      Số:3394

Ngày 10 tháng 12 năm 2009

Nợ Tk642

Có Tk 111

Họ tên người nhận tiền: Trần Danh Tuyên

Địa chỉ : Phòng đầu tư tàu

Lý do chi : Thanh toán tiền thù lao HĐQT và ban kiểm soát

Số tiền : 23.700.000      (Viết bằng chữ) Hai mươi ba triệu bảy trăm  
ngàn đồng chẵn

Kèm theo .....Chứng từ gốc

.....Đã nhận đủ số tiền.....

Ngày 10 tháng 12 năm 2009

Thủ trưởng đơn vị      Kế toán trưởng      Người lập phiếu      Thủ quỹ      Người nhận  
tiền

**BIỂU 13: Sổ cái tài khoản 642**

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**  
Tài khoản : 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp  
Tháng 12/2009

| Chứng từ   |         | Khách hàng                       | Diễn giải                                     | TK đ/u | Số phát sinh |               |
|------------|---------|----------------------------------|---|--------|--------------|---------------|
| Ngày       | Số      |                                  |   |        | Nợ           | Có            |
| .....      | ....    | .....                            | .....   | .....  | .....        |               |
| 10/12/2009 | PC 3394 | Công ty CP vận tải biển Vinaship | Thanh toán tiền thù lao HĐQT và ban kiểm soát | 111    | 23.700.000   |               |
| 10/12/2009 | PC 3396 | Công ty CP vận tải biển Vinaship | Thanh toán tiền học phí                       | 111    | 6.100.000    |               |
|            |         |                                  |   |        |              |               |
| .....      | .....   | .....                            | .....   | .....  | .....        |               |
|            |         |                                  |   |        |              |               |
| 31/12/2009 | PKT     | -                                | Kết chuyển 642=>911                           | 911    |              | 7.480.295.044 |

Cộng phát sinh nợ: 7.480.295.044

Cộng phát sinh có : 7.480.295.044

Số dư cuối kỳ : 0



2.2.2: Nội dung hạch toán thu nhập và chi phí hoạt động khác tại công ty cổ phần vận tải biển Vinaship

\*Đối với thu nhập khác được kế toán phản ánh trên tài khoản 711 “Thu nhập khác”.

\*Đối với chi phí khác được kế toán phản ánh trên tài khoản 811 “Chi phí khác”

\*Chứng từ sử dụng

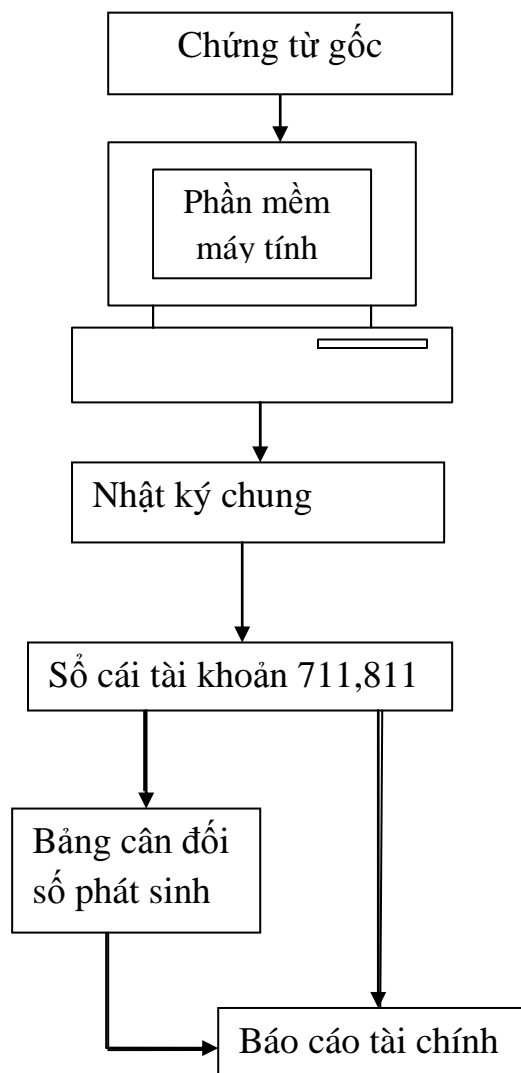
- Hóa đơn GTGT

- Phiếu thu, Báo có..

và các chứng từ khác có liên quan

Quy trình hạch toán

**Sơ đồ 2.8: trình tự ghi sổ kế toán thu nhập khác, chi phí khác**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày       $\longrightarrow$

Ghi định kỳ          $\longrightarrow$

Từ các chứng từ gốc như hóa đơn GTGT , biên bản thanh lý TSCĐ căn cứ vào hóa đơn kế toán viết phiếu thu.Kế toán tiến hành ghi nhận thu nhập khác và chi phí khác. Từ hóa đơn GTGT kế toán tiến hành vào phần mềm kế toán vào phân hệ tài sản cố định. Nhập đầy đủ thông tin phần mềm tự động chạy vào sổ nhật ký chung, sổ cái các tài khoản có liên quan

*Ngày 14/12/2009 công ty có thanh lý 1 ô tô 4 chỗ căn cứ vào biên bản thanh lý (biểu số14), hoá đơn GTGT kế toán tiến hành vào phần mềm kế toán. Vào phân hệ tài sản cố định nhập đầy đủ các thông tin. Phần mềm tự động chạy vào Sổ nhật ký chung (biểu số24 ) rồi vào sổ cái Tk 711(Biểu số16 ) , sổ cái Tk 811 (Biểu số17 )*

**Biểu số 14. Biên bản thanh lý**

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

**BIÊN BẢN THANH LÝ TSCĐ**

*Ngày 14 tháng 12 năm 2009*

Số : 62

Nợ: 214, 811

Có : 211

Căn cứ vào quyết định số 62 ngày 14 tháng 12 năm 2009 của Giám đốc công ty cổ phần vận tải biển VINASHIP về việc thanh lý TSCĐ.

I/ Ban thanh lý TSCĐ gồm:

- Ông (bà): Nguyễn Xuân Giang

Đại diện: Công ty cổ phần vận tải biển VINASHIP- Trưởng ban

- Ông (bà): Nguyễn Ngọc Hà

Đại diện: : Công ty cổ phần vận tải biển VINASHIP - Ủy viên

- Ông (bà): Cao Mai Lan

Đại diện: Công ty cổ phần vận tải biển VINASHIP - Ủy viên

II/ Tiến hành thanh lý TSCĐ

- Tên TSCĐ: Xe ô tô BMW16H -4808

- Mã TSCĐ: 37

- Nguyên giá TSCĐ: 1 095 555 704đồng

- Giá trị hao mòn đã trích đến thời điểm thanh lý: 1 015 178 434

## ***Khoá luận tốt nghiệp***

---

- Giá trị còn lại của TSCĐ: 80 377 270đồng

III/ Kết luận của ban thanh lý .

Thanh lý xe ô tô 4 chỗ 16H 4808

Ngày 14 tháng 12 năm 2009

**Trưởng ban thanh lý**

( ký, họ tên )

IV/ Kết quả thanh lý TSCĐ

- Chi phí thanh lý TSCĐ: 8.500.000 đồng

- Giá trị thu hồi: 95.000.000 đồng

- Đã ghi giảm số TSCĐ ngày 14 tháng 12 năm 2009

Ngày 14 tháng 12 năm 2009

**Giám đốc**

( ký, họ tên, đóng dấu )

**Trưởng ban thanh lý**

( Ký, họ tên )

**Biểu 15. Hợp đồng bán xe ô tô**

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**Hợp đồng bán xe ô tô**

Số: B36

Căn cứ Bộ luật dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, chúng tôi gồm:

**BÊN BÁN (Bên A): Công ty cổ phần vận tải biển VINASHIP**

Địa chỉ: Số 1 Hoàng Văn Thụ- HP.

Số tài khoản ngân hàng: 003.1.00.006883.0

Tại ngân hàng: Vietcombank Hải Phòng

Do ông: Nguyễn Xuân Giang

Chức vụ: Phó tổng giám đốc công ty

**BÊN MUA (Bên B): Công ty TNHH TM Tuấn Nghị**

Địa chỉ: 65 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, Hải Phòng

Do ông Lương Hữu Nghị

Chức vụ: Giám đốc làm đại diện

Chúng tôi tự nguyện cùng nhau lập và ký bản hợp đồng này để thực hiện việc mua bán ô tô, với những điều khoản đã được 2 bên bàn bạc và thỏa thuận như sau:

1. Bằng hợp đồng này, Bên A đồng ý bán cho Bên B 01 chiếc xe ô tô. Thông số xe như sau:

## ***Khoá luận tốt nghiệp***

---

Nhãn hiệuBMW                      Màu sơn: Đen  
Số máy: 342140                      Số khung: 2004673588  
Biển số: 16H -4808              Loại xe: Xe con                      Số chỗ ngồi: 5  
Theo đăng ký xe ô tô số 0005393 do công an TP.  
Tên chủ xe: Công ty cổ phần vận tải biển VINASHIP

Giá mua bán xe ô tô 2 bên tự thỏa thuận là 180.000.000 đồng

Giá trên đã bao gồm thuế GTGT.

Bên A xuất hóa đơn GTGT.

Thủ tục sang tên đổi chủ, lệ phí trước bạ do bên B chịu.

2. Bên A cam kết: Khi đem bán chiếc xe trên, Bên A không cầm cố, không hứa bán, không đem cho, không chuyển nhượng hoặc có bất kỳ thỏa thuận nào khác về việc mua bán chiếc xe này, đồng thời đã thông báo cho bên B biết về tình trạng kỹ thuật của chiếc xe trên. Nếu sai bên A xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi hậu quả trước pháp luật, kể cả việc thỏa thuận giá mua bán.
3. Bên B cam kết: Để xem xét, biết rõ tình trạng kỹ thuật của xe, hoàn toàn đồng ý mua chiếc xe trên như hiện trạng và đã nhận đủ bản chính giấy tờ đăng ký xe ô tô, các giấy tờ kèm theo xe cùng chiếc xe. Đồng thời bên B cam đoan chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về việc đăng ký sang tên theo quy định.
4. Thanh toán:  
Bên B sẽ thanh toán cho bên A bằng chuyển khoản.

Hải Phòng, ngày 14 tháng 12 năm 2009

Bên bán

Bên mua

( ký, họ tên, đóng dấu )

( ký, họ tên, đóng dấu )

**Khoá luận tốt nghiệp**

**Biểu 16: Sổ cái tài khoản 711**

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

Tài khoản : 711- Thu nhập khác

Tháng 12/2009

| Chứng từ   |            | Khách hàng                            | Diễn giải                                     | TK đ/ư | Số phát sinh   |            |
|------------|------------|---------------------------------------|---|--------|----------------|------------|
| Ngày       | Số         |                                       |   |        | Nợ             | Có         |
| .....      | ....       | .....                                 | .....   | .....  | .....          |            |
| 6/12/2009  | HĐ 33598   | CT TNHH In Bắc Nam                    | Thanh lý máy hàn điện                         | 111    |                | 11.229.223 |
| 14/12/2009 | HĐ 40125   | CT TNHH TM Tuấn Nghị                  | Thanh lý ô tô 4 chỗ                           | 112    |                | 95.000.000 |
| 31/12/2009 | PKT TTCT73 | CT Bảo hiểm dầu khí khu vực Duyên Hải | Xử lý công nợ CT BH dầu khí khu vực Duyên Hải | 3311   |                | 100.000    |
| .....      | ....       | .....                                 | .....   | .....  | .....          |            |
|            |            |                                       |   |        |                |            |
| 31/12/2009 | PKT        | -                                     | Kết chuyển 711 => 911                         | 911    | 12.960.618.758 |            |

Cộng phát sinh nợ: 12.960.618.758

Cộng phát sinh có : 12.960.618.758

Số dư cuối kỳ : 0

**Khoá luận tốt nghiệp**

**Biểu 17: Sổ cái tài khoản 811**

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**  
Tài khoản : 811- Chi phí khác  
Tháng 12/2009

| Chứng từ   |              | Khách hàng                       | Diễn giải                                | TK đ/u | Số phát sinh |             |
|------------|--------------|----------------------------------|--|--------|--------------|-------------|
| Ngày       | Số           |                                  |  |        | Nợ           | Có          |
| .....      | ....         | .....                            | .....                                    | .....  | .....        |             |
|            |              | -                                |  | 111    |              |             |
| 14/12/2009 | PKT TL4/12   | CT TNHH TM Tuấn Nghị             | Thanh lý ô tô 4 chỗ                      | 112    | 80.377.270   |             |
| 14/12/2009 | PKT TL6/12   | CT TNHH TM Tuấn Nghị             | Chi phí thanh lý TSCĐ                    | 111    | 8.500.000    |             |
| 31/12/2009 | PKT TTCT5/12 | United Marine & Trading          | Xử lý số KH trả thiếu trên số dư TK 3121 | 3121   | 143.520      |             |
| 31/12/2009 | PC TMXN105   | Công ty CP Vận tải biển Vinaship | Hạch toán c/phí chênh lệch kiểm kê quỹ   | 111    | 698          |             |
| ....       | .....        | .....                            | .....                                    | ....   | .....        | .....       |
| 31/12/2009 | PKT          | -                                | Kết chuyển 811 =>911                     | 911    |              | 118.077.861 |

Cộng phát sinh nợ: 118.077.861

Cộng phát sinh có : 118.077.861

Số dư cuối kỳ : 0



2.2.3: Nội dung hạch toán doanh thu chi phí và kết quả hoạt động tài chính tại công ty cổ phần vận tải biển VINASHIP

2.2.3.1: Kế toán doanh thu tài chính tại công ty cổ phần vận tải biển VINASHIP

Doanh thu hoạt động tài chính là những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác.

Tại công ty cổ phần vận tải biển VINASHIP doanh thu tài chính là các khoản tiền lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng.

\*Chứng từ kế toán sử dụng

- Giấy báo có của ngân hàng

- Phiếu kế toán

\*Tài khoản sử dụng

TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

TK 5151: Doanh thu hoạt động đầu tư

TK 5152: Chênh lệch tỷ giá

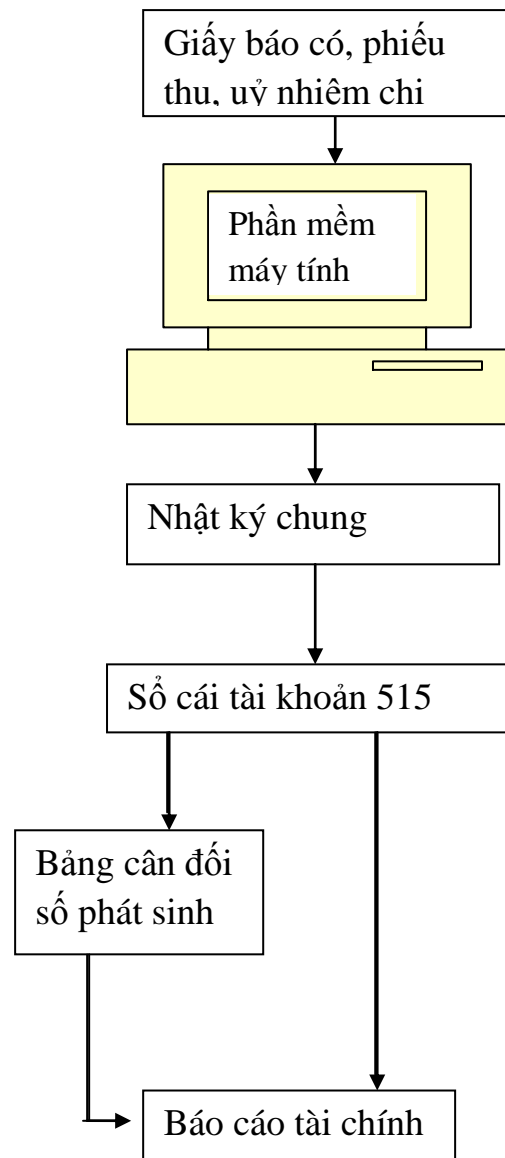
TK 5153: Lãi tiền gửi ngân hàng

TK 5154: Lãi cho vay vốn

Và các tài khoản có liên quan

\*Quy trình hạch toán kế toán doanh thu hoạt động tài chính

**Sơ đồ 2.9: Trình tự ghi sổ doanh thu hoạt động tài chính**



Căn cứ vào chứng từ gốc như giấy báo có của ngân hàng kế toán vào phần mềm kế toán vào phân hệ hệ thống vào phiếu kế toán nhập các thông tin vào máy. Phần mềm kế toán sẽ tự động chạy vào các sổ có liên quan như sổ nhật ký chung, sổ cái tài khoản 515

*Ngày 31/12/2009 Công ty nhận được Giấy báo có của ngân hàng techcombank(biểu số 18) về khoản tiền lãi gửi ngân hàng*

*Từ giấy báo có kế toán tiến hành vào phần mềm kế toán. phần mềm tự động chạy vào sổ nhật ký chung (Biểu số 24) và sổ cái các TK515(Biểu số 19)*

**Biểu 18: Phiếu báo có**

NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM  
TECHCOMBANK HẢI PHÒNG  
MST 0100240900-02

TECHCOMBANK

PHIẾU BÁO CÓ

*Ngày 31 tháng 12 năm 2009*

Kính gửi : CTCP VẬN TẢI BIỂN VINASHI. SỐ TK 109.20858585.01.5

Địa chỉ: Số 1- Hoàng Văn Thụ -HP

Loại tiền : VNĐ

MST : 0100404095011

Loại tài khoản : Tiền gửi thanh toán

Số ID khách hàng : 20858585

Số bút toán hạch toán: FT 0834660049HPG

Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của quý khách theo chi tiết sau

| Nội dung                               | Số tiền |
|--|---------|
| Lãi tiền gửi tại ngân hàng techcombank | 213 245 |
| Tổng số tiền lãi                       | 213 245 |

Viết bằng chữ: hai trăm mười ba nghìn hai trăm bốn mươi năm đồng

Trích yếu : Lãi tiền gửi tại ngân hàng techcombank

Lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

**Biểu 19: Sổ cái tài khoản 515**

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

Tài khoản : 515- Doanh thu hoạt động tài chính

Tháng 12/2009

| Chứng từ   |               | Khách hàng                          | Diễn giải                   | TK đ/ư | Số phát sinh   |            |
|------------|---------------|-------------------------------------|-----------------------------|--------|----------------|------------|
| Ngày       | Số            |                                     |                             |        | Nợ             | Có         |
| .....      | ....          | .....                               | .....                       | .....  | .....          |            |
| 31/12/2009 | BC LTGUSD/31C | Công ty CP vận tải biển<br>Vinaship | Nhập lãi tiền gửi ngân hàng | 112    |                | 213.245    |
| 31/12/2009 | PKT23/12      | Công ty CP vận tải biển<br>Vinaship | Chênh lệch tỷ giá           | 111    |                | 12.657.563 |
| 31/12/2009 | PT 247        | Công ty CP vận tải biển<br>Vinaship | XNDVVT trả lãi vay quý 4    | 111    |                | 30.000.000 |
| .....      | ....          | .....                               | .....                       | .....  | .....          |            |
| 31/12/2009 | PKT           | -                                   | Kết chuyển 515 =>911        | 911    | 19.080.673.992 |            |

Cộng phát sinh nợ: 19.080.673.993

Cộng phát sinh có : 19.080.673.992

Số dư cuối kỳ : 0

2.2.3.2: Kế toán chi phí tài chính

Tại công ty cổ phần vận tải biển VINASHIP chi phí tài chính bao gồm các khoản trả lãi vay vốn lưu động, tiền vốn vay huy động, tiền thanh lý hợp đồng vốn vay huy động.

\*Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu chi, uỷ nhiệm chi

- Phiếu kế toán

\*Tài khoản sử dụng

TK 635: Chi phí hoạt động tài chính

TK 6351: Chi phí hoạt động đầu tư

TK 6352: Chênh lệch tỷ giá

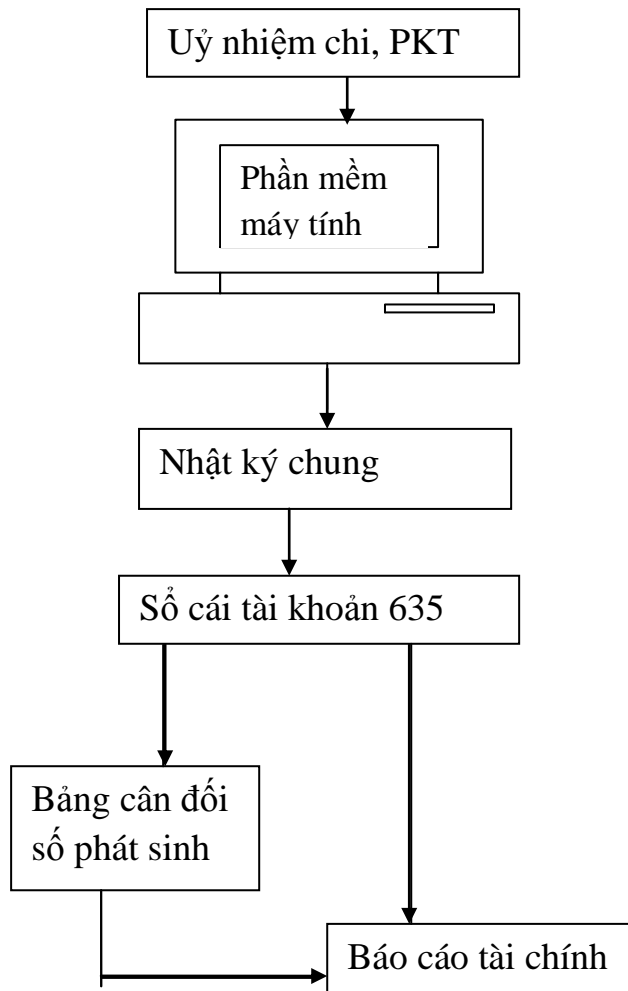
TK 6353 : lãi vay vốn

TK 6354: Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư

Và các tài khoản khác có liên quan

Quy trình hạch toán kế toán chi phí tài chính.

**Sơ đồ 2.10: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí hoạt động tài chính**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi định kỳ →

## *Khoá luận tốt nghiệp*

---

Căn cứ vào chứng từ gốc như phiếu chi kế toán tiến hành vào phần mềm kế toán nhập đầy đủ thông tin. phần mềm tự động chạy vào sổ nhật ký chung ,sổ cái tk 635 và các tài khoản liên quan

*Ngày 31/12/2009 Kế toán thanh toán tiền lãi vay ngân hàng. Từ phiếu chi số 3654 (biểu số 20) kế toán vào phần mềm kế toán. Phần mềm tự động chạy vào sổ nhật ký chung (Biểu số 24 ), sổ cái các tài khoản 635 (Biểu số 21)*

**Biểu 20:Phiếu chi**

CÔNG TY CP VẬN TẢI BIÊN VINASHIP  
SỐ 1-HOÀNG VĂN THỤ-HP

**PHIẾU CHI**      Số:3654

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Nợ tk 635

Có tk 111

Họ tên người nhận tiền: Nguyễn Thị Ngọc

Địa chỉ : Phòng kế toán

Lý do chi: Trả tiền lãi vay ngân hàng

Số tiền : 8.228.767      (Viết bằng chữ) Tám triệu hai trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu bảy đồng

Kèm theo .....Chứng từ gốc

.....Đã nhận đủ số tiền.....

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Thủ trưởng đơn vị      Kế toán trưởng      Người lập phiếu      Thủ quỹ      Người nhận tiền



*Khoá luận tốt nghiệp*

---

**Biểu 21: Sổ cái tài khoản 635**

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**  
Tài khoản : 635- Chi phí tài chính  
Tháng 12/2009

| Chứng từ   |         | Khách hàng          | Diễn giải                              | TK đ/ư | Số phát sinh |                |
|------------|---------|---------------------|--|--------|--------------|----------------|
| Ngày       | Số      |                     |  |        | Nợ           | Có             |
| .....      | ....    | .....               | .....                                  | .....  | .....        |                |
| 25/12/2009 | UNC     | NH TMCP Hàng Hải HP | Thang toán lãi vay mua tàu VNS Diamond | 112    | 2.740.864    |                |
|            |         | -                   |  |        |              |                |
| 31/12/2009 | PC 3654 | NH TMCP Bảo Việt    | Trả tiền lãi vay                       | 111    | 8.228.767    |                |
| .....      | ....    | .....               | .....                                  | .....  | .....        |                |
|            |         |                     |  |        |              |                |
| 31/12/2009 | PKT     | -                   | Kết chuyển 635 =>911                   | 911    |              | 13.267.699.895 |

Cộng phát sinh nợ: 13.267.699.895

Cộng phát sinh có : 13.267.699.895

Số dư cuối kỳ : 0

#### 2.2.4: Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Là tổng chi phí thuế khi xác định kết quả kinh doanh bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

\* Chứng từ sử dụng

- Các chứng từ kết chuyển

\* Tài khoản sử dụng

Tk 821 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

TK 8211: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tk 8212: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Quy trình hạch toán

Cuối kỳ kế toán tiến hành thực hiện các bút toán kết chuyển. Phần mềm kế toán tự động kết chuyển và tính ra số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Căn cứ vào các chứng từ kết chuyển sẽ vào sổ nhật ký chung (biểu 24) sổ cái tài khoản 821 (biểu 22).

**Biểu 22: Sổ cái tài khoản**

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

Tài khoản : 821- Chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp

Tháng 12/2009

| Chứng từ   |     | Khách hàng                       | Diễn giải                  | TK đ/ư | Số phát sinh  |               |
|------------|-----|----------------------------------|----------------------------|--------|---------------|---------------|
| Ngày       | Số  |                                  |                            |        | Nợ            | Có            |
|            |     |                                  |                            |        |               |               |
| 31/12/2009 | PKT | Công ty CP vận tải biển Vinaship | Thuế thu nhập doanh nghiệp | 3334   | 5.357.502.816 |               |
| 31/12/2009 | PKT | -                                | Kết chuyển 821 =>911110    | 911110 |               | 5.357.502.816 |
|            |     |                                  |                            |        |               |               |

Cộng phát sinh nợ: 5.357.502.816

Cộng phát sinh có : 5.357.502.816

Số dư cuối kỳ : 0

**2.2.5: Kế toán kết quả sản xuất kinh doanh tại công ty cổ phần vận tải biển Vinaship**

Bất kỳ một doanh nghiệp nào khi tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đều phải quan tâm đến hiệu quả và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

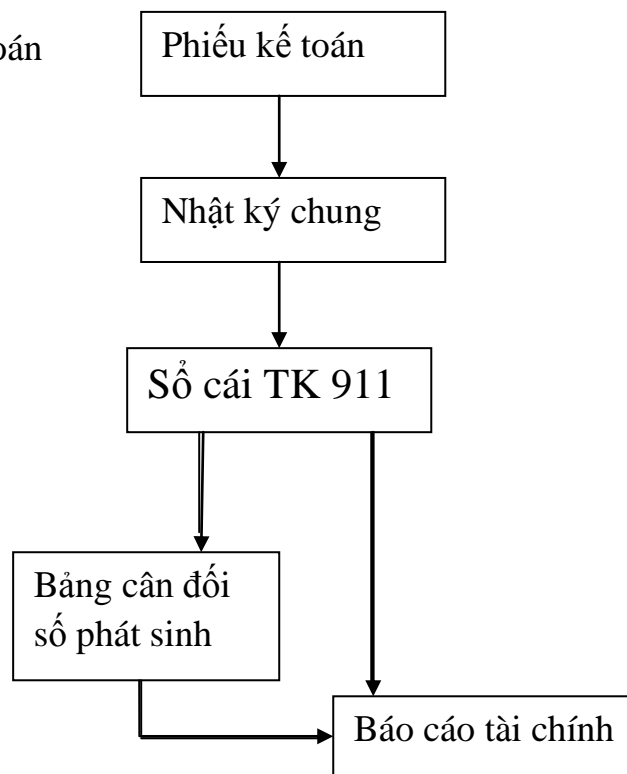
- Kết quả kinh doanh của công ty cổ phần vận tải biển Viaship bao gồm
- Kết quả hoạt động cung cấp dịch vụ
- Kết quả hoạt động tài chính
- Kết quả hoạt động khác

\*Tài khoản sử dụng

Tk 911 –Xác định kết quả kinh doanh

Và các tài khoản liên quan khác

\*Quy trình hạch toán



Định kỳ, kế toán tổng hợp số liệu kế toán kết quả kinh doanh để lập báo cáo kết quả kinh doanh và lập báo cáo tài chính.

**Biểu 24: Sổ nhật ký chung**

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Tháng 12/2009

| Chứng từ   |               | Khách hàng                          | Diễn giải                         | TK<br>Nợ | Tk<br>Có | Số phát sinh  |
|------------|---------------|-------------------------------------|-----------------------------------|----------|----------|---------------|
| Ngày       | Số            |                                     |                                   |          |          |               |
| .....      | ....          | .....                               | .....                             | .....    | .....    |               |
| 10/12/2009 | PC3394        | Công ty CP vận tải biển<br>Vinaship | Thanh toán thù lao HĐQT và<br>BKS | 642      | 111      | 23.700.000    |
| 14/12/2009 | PKT T14/12    | Công ty TNHH TM Tuấn Nghị           | Thanh lý TSCĐ                     | 214      | 211      | 1.015.178.434 |
| 14/12/2009 |               | -                                   | Giá trị còn lại TS                | 811      | 211      | 80.377.270    |
| 14/12/2009 | HĐ 40125      | Công ty TNHH TM Tuấn Nghị           | Thu nhập khác                     | 112      | 711      | 95.000.000    |
| 14/12/2009 | HĐ 40125      |                                     |                                   | 112      | 333      | 9.500.000     |
| 18/12/2009 | HĐ 43802      | Bunge London LTD                    | Doanh thu tàu Bình Phước          | 112      | 511      | 1.767.248.400 |
| 18/12/2009 | PKT TTCT26/12 | Bunge London LTD                    | Hoa hồng phí Tàu Bình Phước       | 641      | 112      | 44.181.210    |
| 31/12/2009 | PKT KC 48/12  | Công ty CP vận tải biển<br>vinaship | Giá vốn tàu Bình Phước            | 632      | 154      | 1.613.248.400 |
| 31/12/2009 | PC 3654       | Ngân hàng TM CP bảo Việt            | Trả tiền lãi vay ngân hàng        | 635      | 111      | 8.228.767     |
| 31/12/2009 | BC LTGUSD/31C | Công ty CP vận tải biển<br>Vinaship | Nhập lãi ngân hàng                | 112      | 515      | 213.245       |
| ...        | .....         | .....                               | .....                             | .....    | .....    | .....         |

***Khoá luận tốt nghiệp***

|            |     |                                     |   |     |     |                 |
|------------|-----|-------------------------------------|---|-----|-----|-----------------|
| 31/12/2009 | PKT | Công ty CP vận tải biển<br>Vinaship | Kết chuyển doanh thu bán hàng               | 511 | 911 | 186.438.675     |
| 31/12/2009 | PKT | Công ty CP vận tải biển<br>Vinaship | Kết chuyển giá vốn                          | 911 | 632 | 170.634.377.105 |
| 31/12/2009 | PKT | Công ty CP vận tải biển<br>Vinaship | Kết chuyển doanh thu hoạt<br>động tài chính | 515 | 911 | 19.080.673.992  |
| 31/12/2009 | PKT | Công ty CP vận tải biển<br>Vinaship | Kết chuyển chi phí tài chính                | 911 | 635 | 13.267.699.895  |
| 31/12/2009 | PKT | Công ty CP vận tải biển<br>Vinaship | Kết chuyển chi phí bán hàng                 | 911 | 641 | 3.873.123.433   |
| 31/12/2009 | PKT | Công ty CP vận tải biển<br>Vinaship | Kết chuyển chi phí QLDN                     | 911 | 642 | 7.480.295.044   |
| 31/12/2009 | PKT | Công ty CP vận tải biển<br>Vinaship | Kết chuyển thu nhập khác                    | 711 | 911 | 12.960.618.758  |
| 31/12/2009 | PKT | Công ty CP vận tải biển<br>Vinaship | Kết chuyển chi phí khác                     | 911 | 811 | 118.077.861     |
| 31/12/2009 | PKT | Công ty CP vận tải biển<br>Vinaship | Kết chuyển chi phí thuế TNDN                | 911 | 821 | 5.357.502.816   |
| 31/12/2009 | PKT | Công ty CP vận tải biển<br>Vinaship | Kết chuyển lãi                              | 911 | 424 | 17.748.891.630  |

**Khoá luận tốt nghiệp**

**Biểu 23: Sổ cái tài khoản 911**

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**  
Tài khoản : 911 – Xác định kết quả kinh doanh  
Tháng 12/2009

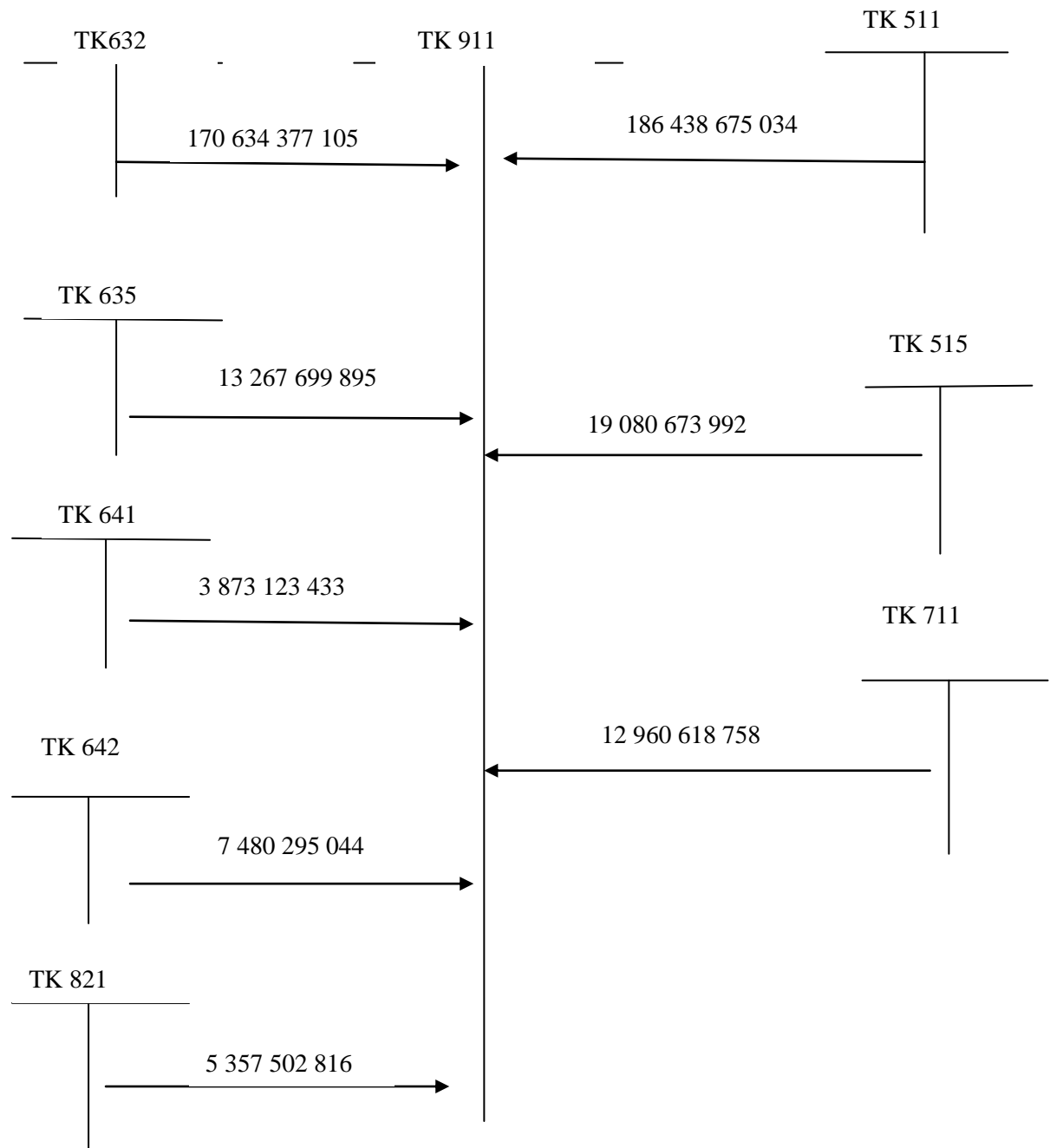
| Chứng từ   |     | Khách hàng                       | Diễn giải                                | TK đ/ư | Số phát sinh    |                 |
|------------|-----|----------------------------------|--|--------|-----------------|-----------------|
| Ngày       | Số  |                                  |  |        | Nợ              | Có              |
| 31/12/2009 | PKT | Công ty CP vận tải biển Vinaship | Kết chuyển doanh thu bán hàng            | 511    |                 | 186.438.675.034 |
| 31/12/2009 | PKT | Công ty CP vận tải biển Vinaship | Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính | 515    |                 | 19.080.673.992  |
| 31/12/2009 | PKT | Công ty CP vận tải biển Vinaship | Kết chuyển giá vốn hàng bán              | 632    | 170.634.377.105 |                 |
| 31/12/2009 | PKT | Công ty CP vận tải biển Vinaship | Kết chuyển chi phí tài chính             | 635    | 13.267.699.895  |                 |
| 31/12/2009 | PKT | Công ty CP vận tải biển Vinaship | Kết chuyển chi phí bán hàng              | 641    | 3.873.123.433   |                 |
| 31/12/2009 | PKT | Công ty CP vận tải biển Vinaship | Kết chuyển chi phí quản lý DN            | 642    | 7.480.295.044   |                 |
| 31/12/2009 | PKT | Công ty CP vận tải biển Vinaship | Kết chuyển thu nhập khác                 | 711    |                 | 12.960.618.758  |
| 31/12/2009 | PKT | Công ty CP vận tải biển Vinaship | Kết chuyển chi phí khác                  | 811    | 118.077.861     |                 |
| 31/12/2009 | PKT | Công ty CP vận tải biển Vinaship | Kết chuyển chi phí thuế TNDN             | 821    | 5.357.502.816   |                 |
| 31/12/2009 | PKT | Công ty CP vận tải biển Vinaship | Kết chuyển lãi                           | 421    | 17.748.891.630  |                 |

Cộng phát sinh nợ: 218.479.967.784

Cộng phát sinh có : 218.479.967.784

Số dư cuối kỳ : 0

2.2.6: Tổng hợp thu chi và kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần vận tải biển  
VINASHIP



Quý 4/2009 kết quả kinh doanh của công ty lãi

Nợ TK911 : 17 748 891 630

Có TK 421: 17 748 891 630

Sau khi khóa sổ cuối năm tài chính kế toán lập báo cáo kết quả kinh doanh 2009



---

**CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC  
CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT  
QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI  
BIỂN VINASHIP**

3.1: Đánh giá thực trạng công tác kế toán doanh thu ,chi phí và xác định kết quả sản xuất kinh doanh tại công ty cổ phần vận tải biển VINASHIP

Công ty cổ phần vận tải biển VINASHIP là doanh nghiệp cổ phần nhà nước , đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh là vận tải biển và dịch vụ môi giới thuyền viên khai thuê hải quan, thuê nhà xưởng kho bãi,khai thuê hải quan.....Trong đó vận tải biển là lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của công ty.Đây là ngành nghề khá phát triển nó phù hợp với vị trí địa lý là thành phố biển lớn của cả nước.

3.1.1:Ưu điểm

- Là một doanh nghiệp nhà nước luôn đạt hiệu quả cao trong lĩnh vực kinh doanh đảm bảo đầy đủ công ăn việc làm cho người lao động , thu nhập cán bộ công nhân viên ổn định . Đồng thời thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhf nước đầy đủ . Điều đó khẳng định vai trò và vị thế của công ty trên toàn quốc
- Về cơ cấu bộ máy quản lý sản xuất kinh doanh: công ty đã tổ chức bộ máy quản lý gọn nhẹ, hợp lý phù hợp với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của mình . Các phòng ban hoạt động thực sự hiệu quả , cung cấp thông tin kịp thời và nhanh chóng
- Về tổ chức bộ máy kế toán của công ty : Cơ cấu của phòng tài chính kế toán gọn nhẹ , chặt chẽ mỗi người phụ trách một mảng riêng , có nhiệm vụ và quyền hạn đối với mỗi phân hành của mình . Cán bộ kế toán có tính độc lập trình độ năng lực chuyên môn cao , có nhiệt tình và long yêu nghề luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.Nhiều năm liền chưa để xảy ra sai phạm đáng kể trong kinh tế tài hành chính, hạch toán thống kê. Do vậy mà bộ máy của công ty luôn ổn định và đảm bảo việc theo dõi, báo số hàng tháng của công ty luôn đúng hạn.

Giám sát và quản lý các chi phí phát sinh theo đúng pháp luật và quy định của công ty. Điều này giúp cho công tác quản lý của công ty nói chung và công tác kế toán nói riêng đã không ngừng củng cố và lớn mạnh. Một yếu tố khác không kém phần quan trọng là trang thiết bị phục vụ cho sản xuất, văn phòng và kế toán khá đầy đủ và hiện đại. Mỗi một nhân viên kế toán đều được trang bị máy vi tính có nối mạng để dễ chia sẻ và tổng hợp số liệu.

- Về hạch toán kế toán nói chung: Nhìn chung công ty thực hiện đầy đủ và chính xác chế độ kế toán cũng như chuẩn mực ban hành cụ thể

- Chứng từ kế toán : Kế toán sử dụng hệ thống chứng từ kế toán đúng chế độ kế toán của Bộ tài chính ban hành. Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán ban đầu đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ phát sinh. Những thông tin về nghiệp vụ kế toán được ghi đầy đủ, chính xác vào chứng từ tạo điều kiện cho tìm kiếm, kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết. Trình tự luân chuyển chứng từ đảm bảo cho chứng từ lập ra có cơ sở thực tế, cơ sở pháp lý. Việc lưu trữ chứng từ tương đối khoa học và được giám sát chặt chẽ, các kế toán ở phân hành nào thì lưu trữ chứng từ liên quan đến phân hành đó. Vì vậy đảm bảo tính không chồng chéo và nguyên tắc phân công phân nhiệm rõ ràng
- Về sổ sách kế toán ; các sổ sách kế toán được thực hiện rõ ràng lưu trữ theo đúng chuẩn mực và quy định của nhà nước. Công ty áp dụng hình thức ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung. Ưu điểm của phương pháp này là tránh được việc ghi chép trùng lặp, đảm bảo thông tin kịp thời cho công tác quản lý kinh doanh và tổng hợp số liệu nhanh để làm báo cáo tài chính một cách chính xác.
- Về tài khoản sử dụng : Công ty áp dụng theo đúng chuẩn mực trong báo cáo tài chính doanh nghiệp ban hành theo quyết định 15/2006/QĐ –BTC của bộ trưởng bộ tài chính và các chuẩn mực kế toán ban hành và các thông tư hướng dẫn sửa đổi bổ sung

-Về hạch toán kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Công ty nắm bắt nhanh những thông tin kinh tế của những thay đổi về cơ chế theo đúng chế độ kế toán đã áp dụng cho đơn vị mình một cách phù hợp đặc biệt là về hạch toán doanh thu chi phí và xác định kết quả sản xuất kinh doanh tại đơn vị. Được sự hướng dẫn của kế toán trưởng của công ty nên công tác hạch toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty hiện nay rất nhanh chóng, chính xác. Đồng thời cùng với sự hỗ trợ đắc lực của máy vi tính với các chương trình được cài đặt sẵn, phần lớn doanh thu, chi phí được hạch toán chi tiết, chặt chẽ theo từng vụ việc của từng hợp đồng kinh tế được dễ dàng đã giúp rất nhiều cho việc đánh giá hiệu quả
- Việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả sản xuất kinh doanh đảm bảo thống nhất về nhiệm vụ và phương pháp tính toán các chỉ tiêu, đáp ứng yêu cầu của ban giám đốc trong việc cung cấp các thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh của toàn doanh nghiệp một cách kịp thời và chính xác

### 3.1.2:Nhược điểm

Bên cạnh những ưu điểm trên về tình hình doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty cổ phần vận tải biển Vinaship công ty cũng còn nhiều điểm hạn chế.

#### ❖ Về vận dụng tài khoản kế toán

\_Công ty không mở tài khoản 153 “ Công cụ dụng cụ” mà hạch toán và theo dõi trên cùng tài khoản 152 “ Nguyên ,vật liệu” . Điều này khiến cho ban lãnh đạo gặp khó khăn trong việc quản lý từng mặt hàng tồn kho một cách chi tiết. Lúc cần thông tin thì không thể đáp ứng kịp thời

\_Hiện nay chi phí quản lý doanh nghiệp của công ty bao gồm toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình kinh doanh. Kế toán không theo dõi tách biệt các khoản

chi phí giữa bộ phận bán hàng và bộ phận quản lý doanh nghiệp mà hạch toán chung trên tài khoản 642 “ Chi phí quản lý doanh nghiệp” Chỉ theo dõi tài khoản hoa hồng phí trên tài khoản 6411. Điều này không hợp lý, vi phạm quy định về hạch toán kế toán và sẽ gây khó khăn cho công tác dự toán và kiểm soát chi phí cũng như đề ra các biện pháp nhằm giảm chi phí.

\_ Công ty chưa có chính sách thu hút khách hàng, thúc đẩy việc vận chuyển như chiết khấu thương mại ( phản ánh qua tài khoản 521), giảm giá hàng bán (phản ánh qua tài khoản 532) Bán hàng là nhiệm vụ hết sức quan trọng quyết định lớn đến việc thu được lợi nhuận về cho doanh nghiệp . Bên cạnh đó vấn đề cạnh tranh trên thị trường ngày càng gay gắt quyết liệt , không đặt lợi ích khách hàng lên hàng đầu làm giảm hiệu quả của công tác tiêu thụ sản phẩm , giảm năng lực cạnh tranh trên thị trường

❖ Về hệ thống sổ kế toán

Trong phần kế toán hàng tồn kho: công ty không mở sổ chi tiết cho từng loại thành phẩm , hàng hoá, nguyên vật liệu... đồng thời công ty không có bảng tổng hợp chi tiết hàng tồn kho. Như vậy sẽ rất khó có thể đối chiếu chi tiết xem từng loại hàng tồn kho còn tồn bao nhiêu, phát sinh bao nhiêu

\_Trong phần kế toán công nợ công ty không mở sổ chi tiết thanh toán cho từng người mua, người bán và không có bảng tổng hợp thanh toán người mua, người bán. Điều này khiến nhà quản lý khó theo dõi số công nợ của công ty với từng nhà cung cấp và số nợ của từng khách hàng đối với công ty còn bao nhiêu

\_Trong phần kế toán giá vốn hàng bán công ty không mở sổ chi phí sản xuất , kinh doanh nhằm theo dõi các chi phí theo từng nội dung khoản mục.. Như vậy sẽ rất khó khăn trong quá trình quản lý theo dõi

❖ Về vận dụng khoa học công nghệ trong tổ chức kế toán

Hiện nay công ty đã áp dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán kế toán. Tuy nhiên hệ thống sổ sách và quy trình luân chuyển chứng từ chưa đáp ứng

được nhu cầu khối lượng công việc. Hoạt động kinh doanh của công ty ngày càng được mở rộng kế toán vẫn phải làm bằng tay trên word và excel. Do đó công ty có sử dụng phần mềm kế toán nhưng chưa đem lại hiệu quả cao

3.2: Một số biện pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

3.2.1: Ý nghĩa của việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Đối với công tác quản lý, hoàn thiện quá trình nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp cho các đơn vị quản lý chặt chẽ hơn hoạt động tiêu thụ hàng hoá, việc sử dụng các khoản chi phí. Từ đó doanh nghiệp sẽ có biện pháp để thúc đẩy quá trình tiêu sản phẩm, điều tiết chi phí, hoàn thiện quá trình này cho phép hạ giá thành sản phẩm tăng doanh thu cho doanh nghiệp, xác định đúng đắn kết quả kinh doanh, phân phối thu nhập một cách chính xác, kích thích người lao động và thực hiện tốt nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước.

Đối với công tác kế toán, hoàn thiện quá trình nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ cung cấp tài liệu có độ tin cậy chính xác cao giúp cho nhà quản lý đánh giá hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Thông qua các số liệu kế toán phản ánh được những thuận lợi khó khăn của doanh nghiệp từ đó nhà quản lý sẽ đề ra những biện pháp giải quyết kịp thời những khó khăn hoặc phát huy những thuận lợi nhằm mục đích giúp doanh nghiệp ngày càng phát triển.

3.2.2 : Sự cần thiết phải hoàn thiện

Sự chuyển đổi nền kinh tế đất nước từ thời kỳ bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có sự quản lý của nhà nước là một yếu tố khách quan. Trong điều kiện môi trường mới, cùng với sự tiến bộ không ngừng của khoa học kỹ thuật đang từng giờ làm thay đổi thế giới, mở rộng và hội nhập nền kinh tế thế giới là một yêu cầu cần thiết. Để đứng vững và tồn tại trên thị

trường đòi hỏi mỗi cá nhân , mỗi doanh nghiệp không thể hài lòng với những gì đạt được, muốn chiếm lĩnh thị trường đòi hỏi các doanh nghiệp nói chung và công ty cổ phần vận tải biển VINASHIP nói riêng phải cạnh tranh gay gắt, mặt khác phải luôn năng động, nhanh nhạy, nắm bắt được xu thế của thị trường, không ngừng mở rộng quan hệ buôn bán, hợp tác trao đổi công nghệ , kinh nghiệm nâng cao chất lượng vận chuyển nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu người tiêu dùng.

Muốn làm được các doanh nghiệp phải không ngừng cải tiến, hoàn thiện công tác quản lý nhằm tối đa hoá lợi nhuận với mức chi phí thấp nhất. Trong các công cụ quản lý đó , kế toán là công cụ quản lý đặc biệt và phục vụ đắc lực nhất. Thông qua việc thu nhập ghi chép , xử lý, tính toán tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trong hoạt động kinh doanh theo một hệ thống khoa học của kế toán : Chứng từ, tài khoản , tính toán tổng hợp cân đối... để có thể cung cấp đầy đủ thông tin chính xác kịp thời về tình hình tái sản, sự biến động của công ty tạo điều kiện cho công ty đưa ra những quyết định đúng đắn và mang lại hiệu quả kinh tế cao. Ngoài ra các báo cáo tài chính sẽ cung cấp thông tin cho các đối tượng quan tâm về tình hình tài chính triển vọng phát triển kinh doanh của doanh nghiệp để có những quyết định đầu tư.

Hoàn thiện công tác kế toán thì hệ thống chứng từ ban đầu sẽ nâng cao được tính chính xác tạo điều kiện cho kế toán theo dõi tình hình sản xuất kinh doanh. Việc hoàn thiện góp phần sử dụng đúng tài khoản để phản ánh chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, tạo điều kiện cho công tác kiểm tra kế toán đồng thời giúp cho các bạn hàng , ngân hàng , những người quan tâm đến tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp biết.

Số liệu kế toán phải chính xác tuyệt đối ,phải đảm bảo dễ hiểu , rõ ràng minh bạch công khai thể hiện sự tiết kiệm nhưng có hiệu quả.

### 3.2.3: Nguyên tắc hoàn thiện

Mục đích của hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định sản xuất kinh doanh là tạo hướng đi đúng đắn đưa công tác kế toán vào nề nếp, với các doanh nghiệp việc hoàn thiện này không nằm ngoài mục tiêu tăng doanh thu và đạt lợi nhuận cao.

Để đạt được hiệu quả trong hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả sản xuất kinh doanh phải dựa trên các nguyên tắc sau:

Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, chế độ tài chính và các chuẩn mực kế toán của nhà nước nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt. Nhà nước xây dựng và ban hành hệ thống kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nên việc hoàn thiện phải xem xét sao cho việc hoàn thiện không vi phạm chế độ.

Hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện sản xuất kinh doanh hiệu quả, do đó cần phải vận dụng chế độ kế toán một cách sáng tạo, phù hợp với đặc điểm kinh doanh của ngành mình.

Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu thông tin kịp thời, chính xác phù hợp với yêu cầu quản lý. Vì chức năng của kế toán là cung cấp thông tin kinh tế kịp thời cho việc ra quyết định các phương án kinh doanh tối ưu cho doanh nghiệp

Việc xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa thu nhập và chi phí, một yêu cầu cần thiết và luôn đúng trong mọi trường hợp đó là tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sao cho chi phí bỏ ra là thấp nhất và lợi nhuận đạt được là cao nhất.

3.2.4: Một số biện pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần vận tải biển Vinaship.

Qua quá trình thực tập tại công ty cổ phần vận tải biển Vinaship trên cơ sở tìm hiểu và nắm vững tình hình thực tế cũng như những vấn đề lý luận đã được học em nhận thấy trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty còn có những hạn chế mà nếu được khắc phục thì phần

hành kế toán này của công ty sẽ được hoàn thiện hơn, có hiệu quả hơn. Em mạnh dạn đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh như sau:

**3.2.4.1: Hoàn thiện hệ thống tài khoản kế toán tại công ty cổ phần vận tải biển Vinaship**

Để đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin nhanh chóng , kịp thời và số liệu chính xác , tránh sự trùng lặp , nhằm lẫn kế toán nên sử dụng hệ thống tài khoản theo dõi chi tiết cho từng đối tượng cụ thể Do đó công ty nên mở thêm các tài khoản sau để hạch toán kế toán hoàn thiện hơn , đạt hiệu quả cao trong công việc

- Công ty nên mở tài khoản 153 “ Công cụ dụng cụ để theo dõi phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng, giảm các loại công cụ dụng cụ của doanh nghiệp. Công cụ dụng cụ là những tư liệu lao động không đủ các tiêu chuẩn về giá trị và thời gian sử dụng quy định đối với tài sản cố định
- Công ty nên mở thêm tiểu khoản chi phí bán hàng để theo dõi cho hoạt động bán hàng của các lĩnh vực khác như chi phí bán hàng của dịch vụ bốc xếp, dịch vụ cho thuê thuyền viên...

Các nhà quản lý kinh doanh rất cần biết thông tin chi tiết cụ thể về các khoản mục chi phí cũng như việc sử dụng và loại chi phí này để từ đó lập dự toán chi phí và chủ động điều tiết chi phí . Nhưng ở công ty cổ phần vận tải biển Vinaship

- Công ty nên mở thêm tài khoản dự phòng phải thu khó đòi Tài khoản 139 và dự phòng giảm giá hàng tồn kho tài khoản 159

❖ **Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại vào kế toán bán hàng**

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều cá thể tập thể kinh doanh mặt hàng của công ty nên tình hình cạnh tranh diễn ra đang ngày càng gay gắt. Công ty hiện nay đang có một lượng khách hàng truyền thống lâu năm. những khách



hàng này thường thuê vận chuyển khối lượng lớn hàng hoá. Việc áp dụng linh hoạt các chính sách bán hàng là rất quan trọng. Hàng hoá muốn bán được nhiều cần áp dụng tốt về chất lượng vừa có giá cả phù hợp ... Vậy công ty nên áp dụng một số biện pháp khuyến mại như bớt giá, chiết khấu thương mại khi vận chuyển hàng với số lượng lớn, thanh toán tiền nhanh nhằm giữ được khách hàng.

Để tiện theo dõi kế toán có thể mở thêm sổ chi tiết cho tài khoản 521 “Chiết khấu thương mại”.

+Phương pháp kế toán tài khoản 521 “ Chiết khấu thương mại” như sau

Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh như sau

Nợ TK 521 : Chiết khấu thương mại khách hàng

Nợ TK 3331: Thuế GTGT phải nộp

Có TK 111,112,131 : Số tiền trả lại

Cuối kỳ kết chuyển số chiết khấu thương mại đã chấp thuận cho người mua phát sinh trong kỳ sang tài khoản 511 “ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

Nợ TK 511 : Doanh thu bán hàng

Có Tk 521: Chiết khấu thương mại

Hiệu quả của việc hoàn thiện : Công ty không những giữ được các khách hàng truyền thống mà còn tăng được khối lượng khách hàng mới trong tương lai vì có sự ưu đãi của công ty trong việc bán hàng và thanh toán giúp thúc đẩy quá trình tiêu thụ, tăng thêm năng lực cạnh tranh trên thị trường

\*Về hạch toán kế toán doanh thu bán hàng , giá vốn hàng bán.

Khi hạch toán giá vốn hàng bán kế toán nên hạch toán chi tiết từng loại vì đây chính là mục tiêu so sánh giữa giá vốn hàng bán ra so với giá bán của hàng hoá. Chỉ có hạch toán chi tiết giá vốn của từng loại hàng hoá thì doanh nghiệp mới kiểm tra được kết quả từ khâu nhập hàng đến khâu tiêu thụ hàng hoá như

thể nào để từ đó vạch ra các kế hoạch tiết kiệm chi phí mà vẫn hiệu quả, chất lượng hàng hoá tốt tạo sức cạnh tranh trên thị trường. Tìm kiếm được nhiều bạn hàng hơn

\* Về phần mềm kế toán

Công ty nên cải thiện phần mềm để hoàn thiện hơn. Tránh việc đã sử dụng phần mềm mà kế toán vẫn phải làm tay khá nhiều. Điều này gây trở ngại cho tiến độ công việc. Và gây mất thời gian hơn

3.2.4.2: Hoàn thiện hệ thống sổ kế toán tại công ty cổ phần vận tải biển Vinaship

Công tác kế toán chỉ thực sự đạt được hiệu quả khi có một hệ thống sổ sách phù hợp với quy mô và loại hình hoạt động của công ty. Từ đó kế toán mới có thể đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin nhanh chóng, kịp thời và chính xác, giúp ban lãnh đạo công ty nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty thường xuyên dễ dàng.

Trong hệ thống sổ sách. Công ty đã lập phiếu kế toán để tiện theo dõi cho các nghiệp vụ kinh tế phát sinh nhưng trong các phiếu kế toán có phiếu có đánh số, có phiếu không đánh số vì vậy gây ra những khó khăn cho việc kiểm soát và theo dõi.

Công ty nên mở sổ nhật ký bán hàng (biểu 3.1). Đây là loại sổ giúp cho công ty có thể nắm bắt chi tiết cụ thể tình hình bán hàng, doanh thu bán hàng của từng loại hàng hoá được bán ra hàng

**Khoá luận tốt nghiệp**

**Biểu 3.1: Sổ nhật ký bán hàng**

Đơn vị.....

**Mẫu số S03a4-DN**

Địa chỉ .....

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**Sổ nhật ký bán hàng**

Năm....

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ |            | Diễn giải                  | Phải thu từ người mua | Ghi có tài khoản doanh thu |            |         |
|-------------------|----------|------------|----------------------------|-----------------------|----------------------------|------------|---------|
|                   | Số Hiệu  | Ngày tháng |                            |                       | Hàng Hoá                   | Thành phẩm | Dịch vụ |
|                   |          |            | Số trang trước chuyển sang |                       |                            |            |         |
|                   |          |            | Cộng chuyển sang trang sau |                       |                            |            |         |

Ngày .. tháng ...năm

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

Hàng tồn kho của công ty rất nhiều và giá trị lớn. Nhưng công ty không theo dõi chi tiết từng loại hàng tồn kho và tổng hợp số lượng, giá trị chúng. Để giúp cho việc quản lý hàng tồn kho chặt chẽ hơn, tránh thất thoát, Công ty nên mở sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm hàng hoá (biểu 3.2) và bản tổng hợp vật liệu, dụng cụ, sản phẩm hàng hoá (biểu 3.3).

*Khoá luận tốt nghiệp*

**Biểu 3.2: Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, hàng hoá**

Đơn vị.....

Địa chỉ

**Mẫu số S10- DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ)**

Năm:.....

Tài khoản.....Tên kho.....

Tên quy cách nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ.....

| Chứng từ |               | Diễn giải           | Tài khoản<br>đối ứng | Đơn<br>giá | Nhập        |               | Xuất     |               | Tồn      |            | Ghi chú |
|----------|---------------|---------------------|----------------------|------------|-------------|---------------|----------|---------------|----------|------------|---------|
| Số hiệu  | Ngày<br>tháng |                     |                      |            | Số<br>lượng | Thành<br>tiền | Số lượng | Thành<br>tiền | Số lượng | Thành tiền |         |
|          |               | <b>Số dư đầu kỳ</b> |                      |            |             |               |          |               |          |            |         |
|          |               | <b>CỘNG tháng</b>   |                      |            |             |               |          |               |          |            |         |

Số này có....trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

Ngày mở sổ

Người ghi sổ

kế toán trưởng

Ngày ... tháng... năm.....

Giám đốc

**Khoá luận tốt nghiệp**

**Biểu 3.3: Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá**

Đơn vị.....

Mẫu số S11 - DN

Địa chỉ.....

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ  
sản phẩm , hàng hoá**

Tài khoản.....

Tháng ....Năm....

| STT | Tên quy cách vật<br>liệu,dụng cụ,sản phẩm<br>,hàng hoá | Số tiền    |                     |                     |             |
|-----|--|------------|---------------------|---------------------|-------------|
|     |  | Tồn đầu kỳ | Nhập<br>trong<br>kỳ | Xuất<br>trong<br>kỳ | Tồn cuối kỳ |
|     |  |            |                     |                     |             |
|     | <b>Cộng</b>  |            |                     |                     |             |

Ngày ...tháng.....năm....

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

Trong phần kế toán giá vốn hàng bán và chi phí quản lý kinh doanh, Công ty nên mở sổ chi phí sản xuất, kinh doanh(Biểu 3.4)Như vậy sẽ giúp cho kế toán và ban lãnh đạo công ty dễ dàng theo dõi chi phí nhân viên bán hàng, chi phí khấu hao TCD phục vụ cho bán hàng, chi phí hậu mãi,chi phí nhân viên quản lý, chi phí mua ngoài phục vụ cho văn phòng, giá vốn của từng loại hàng hoá, thành phẩm bán ra.

**Biểu 3.4: Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh**

Đơn vị.....

Địa chỉ .....

Mẫu số S36-DN

*(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC*

*Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

(Dùng cho các tài khoản 621,622,627,154,631,641,642,142,242,335,632)

Tài khoản.....

Tên phân xưởng.....

Tên sản phẩm,dịch vụ.....

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ |            | Diễn giải  | Tài khoản đối ứng | Ghi Nợ tài khoản |         |       |       |       |       |       |  |
|-------------------|----------|------------|--|-------------------|------------------|---------|-------|-------|-------|-------|-------|--|
|                   | Số hiệu  | Ngày tháng |  |                   | Tổng số tiền     | Chia ra |       |       |       |       |       |  |
|                   |          |            |  |                   |                  | .....   | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... |  |
|                   |          |            | Số dư đầu kỳ<br>Số phát sinh trong kỳ                    |                   |                  |         |       |       |       |       |       |  |
|                   |          |            | Cộng số phát sinh trong kỳ<br>Ghi Có Tk<br>Số dư cuối kỳ |                   |                  |         |       |       |       |       |       |  |

Sổ này có....trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

Ngày mở sổ

Người ghi sổ

kế toán trưởng

Ngày ... tháng... năm.....

Giám đốc

**Hoàn thiện về vấn đề nhân sự và việc nâng cao hiệu quả của công tác kế toán**

Để đạt được hiệu quả kinh doanh ngoài việc tìm kiếm và mở rộng thị trường tận dụng yếu tố khách quan thì việc công ty cũng phải chú tâm đến vấn đề nhân sự. Riêng với nhân viên kế toán, tạo điều kiện cho họ nâng cao trình độ nghiệp vụ tin học. Vì hiện nay phòng kế toán đã trang bị máy tính, máy in. Nâng cao trình độ để mọi nhân viên kế toán đều tận dụng được hết hiệu quả của máy tính và các ứng dụng tin học trong văn phòng

## **KẾT LUẬN**

Một doanh nghiệp muốn đạt được lợi nhuận cao cần cố gắng tăng doanh thu bằng cách tăng sản lượng sản phẩm bán ra và giảm thiểu chi phí nhưng vẫn không làm giảm chất lượng hàng hoá, dịch vụ. Bởi vậy, trong bối cảnh nền kinh tế hiện nay sự cạnh tranh diễn ra ngày càng gay gắt công tác tiêu thụ hàng hóa trở thành vấn đề quan tâm hàng đầu thì việc tổ chức công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty cổ phần vận tải biển Vinaship cũng đòi hỏi phải được tổ chức một cách hoàn thiện

Với kiến thức đã học cùng với việc tiếp cận thực tế, em xin đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần vận tải biển Vinaship. Nhưng do trình độ có hạn và lần đầu tiên tiếp cận thực tế nên không tránh khỏi thiếu sót. Vì vậy, em mong nhận được sự chỉ bảo, đóng góp ý kiến của thầy cô, ban giám đốc cùng các cán bộ phòng ban kế toán của công ty cổ phần vận tải biển Vinaship và các bạn để bài khoá luận của em được hoàn thiện hơn.

Sau cùng em xin chân thành cảm ơn cô giáo thạc sỹ Lương Khánh Chi, các thầy cô giáo khoa quản trị kinh doanh trường ĐHDL Hải Phòng và các cô chú, các anh chị trong phòng kế toán tại công ty cổ phần vận tải biển Vinaship đã giúp đỡ em hoàn thành bài khoá luận này

*Hải phòng, ngày 25 tháng 06 năm 2009*

Sinh viên

Trần Thị Thu Hằng